

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

TÌM HIỂU LÀNG NGHỀ GÓM GIA THỦY (XÃ GIA THỦY,
HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH)
TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2023

Chủ nhiệm đề tài: HOÀNG THỊ HẢI YẾN

Lớp: D15 LS - ĐL

Ngành: SƯ PHẠM LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

NINH BÌNH, 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

BÁO CÁO KẾT QUẢ
THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

TÌM HIỂU LÀNG NGHỀ GÓM GIA THỦY (XÃ GIA THỦY,
HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH)
TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2023

Chủ nhiệm đề tài: HOÀNG THỊ HẢI YẾN

Các thành viên: NGUYỄN THỊ THUÝ HIỀN

LÃ MINH HẰNG

NGUYỄN MỸ ANH

Lớp: D15 LS - ĐL

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐINH VĂN VIỄN

Xác nhận của GV hướng dẫn

(Họ, tên và chữ ký)

.....

Chủ nhiệm đề tài

(Họ, tên và chữ ký)

Hoàng Thị Hải Yến

NINH BÌNH, 2024

LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi xin cảm ơn Tiến sĩ Đinh Văn Viễn đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ chúng tôi trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện đề tài nghiên cứu khoa học.

Chúng tôi xin cảm ơn khoa Sư phạm trung học và các thầy cô đã tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học.

Xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, tháng 11 năm 2024

Chủ nhiệm đề tài

Hoàng Thị Hải Yến

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và tính cấp thiết của đề tài | 1 |
| 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu | 1 |
| 1.2. Tính cấp thiết của đề tài | 3 |
| 2. Mục tiêu nghiên cứu | 4 |
| 3. Đối tượng nghiên cứu | 5 |
| 4. Phạm vi nghiên cứu | 5 |
| 5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu | 5 |
| 5.1. Cách tiếp cận | 5 |
| 5.2. Phương pháp nghiên cứu | 5 |
| 6. Cấu trúc của đề tài | 5 |
| CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU | 7 |
| 1.1. Lý luận chung về làng nghề và làng nghề truyền thống | 7 |
| 1.1.1. Khái niệm làng nghề và làng nghề truyền thống | 7 |
| 1.1.2. Phân loại làng nghề và làng nghề truyền thống | 9 |
| 1.1.3. Nguồn gốc hình thành làng nghề | 11 |
| 1.1.4. Tiêu chí làng nghề truyền thống | 13 |
| 1.1.5. Vai trò, vị trí của làng nghề truyền thống trong xã hội hiện nay | 15 |
| 1.2. Khái quát về xã Gia Thủy | 19 |
| 1.2.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên xã Gia Thủy | 19 |
| 1.2.2. Kinh tế, xã hội xã Gia Thủy | 21 |
| 1.2.3. Lịch sử, truyền thống xã Gia Thủy | 24 |
| Tiểu kết chương 1 | 24 |
| CHƯƠNG 2: LÀNG NGHỀ GỒM GIA THỦY (XÃ GIA THỦY, HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH) TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2023 | 27 |
| 2.1. Khái quát sự ra đời của gồm Gia Thủy | 27 |
| 2.1.1. Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1958 | 27 |
| 2.1.2. Giai đoạn từ năm 1958 đến năm 1990 | 29 |
| 2.1.3. Giai đoạn từ năm 1990 đến năm 2007 | 32 |
| 2.2. Quá trình phát triển của làng nghề gồm Gia Thủy từ năm 2007 đến năm 2023 | 35 |
| 2.2.1. Giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2012 | 35 |
| 2.2.2. Giai đoạn từ năm 2012 đến nay | 44 |
| 2.3. Giá trị, vai trò của làng nghề gồm Gia Thủy đối với sự phát triển của địa phương | 52 |
| 2.3.1. Giá trị văn hóa làng nghề | 52 |
| 2.3.2. Vai trò của làng nghề gồm Gia Thủy đối với sự phát triển của địa phương | 52 |
| 2.4. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề gồm Gia Thủy | 60 |
| Tiểu kết chương 2 | 68 |
| KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ | 70 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 73 |

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

| STT | Chữ viết tắt | Nội dung |
|-----|--------------|----------------------|
| 1 | CNH | Công nghiệp hoá |
| 2 | GS | Giáo sư |
| 3 | HDH | Hiện đại hoá |
| 4 | HTX | Hợp tác xã |
| 5 | NTM | Nông thôn mới |
| 6 | NXB | Nhà xuất bản |
| 7 | ThS | Thạc sĩ |
| 8 | TS | Tiến sĩ |
| 9 | TTCN | Tiêu thủ công nghiệp |
| 10 | UBND | Ủy ban nhân dân |

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và tính cấp thiết của đề tài

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Việt Nam là một quốc gia có nhiều làng nghề, làng nghề truyền thống. Chính vì thế, việc tìm hiểu, bảo tồn và phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống được rất nhiều sách, báo, các cuộc hội thảo quan tâm.

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống

Cuốn sách “*Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình CNH - HĐH*” của Dương Bá Phương (2001), đã viết về những vấn đề lí luận chung về các làng nghề, thực trạng; tiềm năng, hạn chế và xu hướng vận động của các làng nghề cũng như đưa ra những quan điểm, các phương hướng, giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình CNH, HĐH nông thôn.

Cuốn sách “*Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam*” của Bùi Văn Vượng, NXB Văn hoá thông tin (2002), viết về khái niệm làng nghề, làng nghề truyền thống; các làng nghề truyền thống của Việt Nam: nghề đúc đồng, nghề gốm, nghề chạm khắc,...

Cuốn sách “*Tổng hợp về nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam*” của Trương Minh Hằng (2017) đã viết về nghề gốm truyền thống Việt Nam: Các lò nung gốm Bắc Việt Nam; nhóm lư hương gốm men Phù Lãng, gốm sứ trong văn hoá ẩm thực Việt Nam, lịch sử phát triển nghệ thuật gốm Việt Nam,...

Một số đề tài, luận án, luận văn nghiên cứu về các làng nghề, những giải pháp phát triển làng nghề:

Đề tài cấp tỉnh do Trường Đại học Hạ Long chủ trì thực hiện năm 2018 - 2019, “*Mô hình làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch Quảng Ninh thử nghiệm tại làng nghề sản xuất ngư cụ truyền thống Hưng Học*” đã giới thiệu về mô hình làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch Quảng Ninh, một số giải pháp triển khai, nhân rộng mô hình làng nghề truyền thống phục vụ sự phát triển du lịch tại Quảng Ninh.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ của Viện đào tạo công nghệ và quản lý quốc tế, “*Những giải pháp nhằm phát triển làng nghề ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng*” năm 2005, chủ nhiệm đề tài: GS.TS Nguyễn Trí Đình nói về thực trạng phát triển làng nghề ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng; quan điểm và giải pháp phát triển làng nghề ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng.

Đề tài cấp bộ của Bộ kế hoạch và đầu tư, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, “*Một số chính sách chủ yếu phát triển bền vững làng nghề ở Việt Nam*” năm 2010, chủ nhiệm đề tài: ThS. Đinh Xuân Nghiêm viết về: cơ sở lý luận, thực trạng và giải pháp hoàn thiện về chính sách phát triển bền vững làng nghề.

Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Thương Mại, “*Phát triển thương hiệu gốm sứ mỹ nghệ Việt Nam*” năm 2023, chủ nhiệm Nguyễn Thị Hồng Lan, viết về cơ sở lý luận, thực trạng triển khai các hoạt động phát triển thương hiệu gốm sứ mỹ nghệ Việt Nam, các quan điểm và giải pháp phát triển thương hiệu gốm sứ mỹ nghệ Việt Nam.

Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Đại học Đà Nẵng “*Các giải pháp để phát triển làng nghề ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam*” năm 2011, chủ nhiệm đề tài: Phan Văn Tú viết về lý luận chung về phát triển làng nghề, thực trạng và các giải pháp phát triển làng nghề ở thành phố Hội An.

Ngoài ra, còn có bài viết đăng trên tạp chí như: Tạp chí Di sản văn hoá số 4 - 2003, “*Làng nghề và việc bảo tồn các giá trị văn hoá phi vật thể*” của TS. Lê Thị Minh Lý đã đề cập đến đặc điểm của làng nghề Việt Nam và đưa ra một số giải pháp để bảo tồn và phát triển các làng nghề.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về xã Gia Thủy, làng nghề gốm ở Gia Thủy

Sách “*Địa chí Ninh Bình*” (2010) đã đề cập đến địa hình, hệ thống đơn vị hành chính của xã Gia Thủy tính đến năm 2008, nhắc đến di tích lịch sử văn hoá của xã Gia Thủy.

Lịch sử Đảng bộ xã Gia Thủy (1947 - 2010) (2013) đã nói về điều kiện tự nhiên, lịch sử và truyền thống văn hoá của xã Gia Thủy; các cuộc kháng chiến của nhân dân Gia Thủy, các đường lối chính sách của xã.

Năm 2023, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình phối hợp với Trường Đại học Khoa học - Xã hội và Nhân văn tổ chức Hội thảo khoa học “*Nghề gốm cổ ở Ninh Bình - truyền thống và hiện đại*”. Hội thảo gồm hai phần: Phần I: Di sản nghề gốm Ninh Bình qua các thời kì lịch sử và Phần II: Nghề gốm Ninh Bình: Bảo tồn và phát huy giá trị. Trong hội thảo có nhắc đến quá trình hình thành, phát triển, quy trình chế tác sản phẩm của nghề gốm Gia Thủy và sản xuất gốm Gia Thủy hiện nay.

Các công trình nghiên cứu nêu trên đã đề cập đến một số khía cạnh của làng nghề nói chung và làng nghề gốm Gia Thủy (xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình) nói riêng. Vì vậy, nhóm nghiên cứu coi những công trình trên là tư liệu quan trọng để kế thừa.

1.2. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, khi xã hội ngày càng phát triển, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ các thiết bị, sản phẩm phục vụ cho cuộc sống con người ngày càng trở nên thông minh, hiện đại hơn; các hệ thống sản xuất linh hoạt hơn thì yêu cầu bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống, bản sắc của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia ngày càng được chú trọng. Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng vị trí, vai trò của văn hoá, khẳng định văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh cho sự phát triển.

Việt Nam là một quốc gia có hệ thống di sản văn hoá vô cùng phong phú và đa dạng, gồm có: di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể. Trong đó, các làng nghề là một trong những di sản văn hoá phi vật thể thể hiện một cách rõ nét các truyền thống văn hoá của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Ở nước ta có rất nhiều các làng nghề, mỗi làng nghề lại có những nét đặc trưng riêng. Nơi đây lưu giữ các giá trị lịch sử, văn hoá tinh thần của người Việt.

Các làng nghề, làng nghề truyền thống đã có từ lâu đời, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ở giai đoạn hiện nay, các làng nghề, làng nghề truyền

thông vẫn tiếp tục phát huy giá trị kinh tế, văn hóa, đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh Ninh Bình như: nghề thêu ren Văn Lâm, nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, nghề cói Kiến Thái, nghề mộc Phúc Lộc,... Nơi đây không chỉ lưu giữ nghề truyền thống mà mỗi làng nghề còn lưu giữ một kho tàng phong phú các bí quyết nghề, đời sống, lao động sản xuất,... Đặc biệt là làng nghề gốm xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình là một trong những làng nghề có tuổi đời hơn 60 năm không chỉ lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống mà còn góp phần phát triển kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động.

Năm 2010, làng nghề gốm Gia Thủy được công nhận là làng nghề. Tuy nhiên, hiện nay trong xu thế toàn cầu hoá và HĐH các giá trị của làng nghề, làng nghề truyền thống đang dần bị mai một, bị thất truyền, thậm chí là mang tính thương mại hoá,... Để thế hệ trẻ sau này hiểu được và tiếp tục phát triển các làng nghề truyền thống, gìn giữ những giá trị văn hoá của làng nghề thủ công, ngoài ra còn để tạo công ăn việc làm cho nhiều người lao động thì vấn đề tìm hiểu từ đó đưa ra các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề đang rất được quan tâm.

Việc nghiên cứu về làng nghề gốm Gia Thủy (xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình) có nhiều giá trị và ý nghĩa quan trọng. Không chỉ có giá trị bảo tồn di sản văn hóa mà còn có ý nghĩa to lớn trong việc phát triển kinh tế, du lịch của địa phương,... Qua nghiên cứu sẽ thấy được thực trạng của làng nghề trong giai đoạn hiện nay, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề. Chính vì những lí do trên, nhóm nghiên cứu quyết định chọn đề tài: *“Tìm hiểu làng nghề gốm Gia Thủy (xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình) từ năm 2007 đến năm 2023”* làm đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở tìm hiểu làng nghề gốm Gia Thủy (xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình) từ năm 2007 đến năm 2023 đưa ra các biện pháp bảo tồn và phát huy làng nghề gốm xã Gia Thủy trong giai đoạn hiện nay.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Làng nghề gốm Gia Thủy (xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình)

4. Phạm vi nghiên cứu

Nội dung: Nghiên cứu sự hình thành, phát triển, nét đặc trưng, giá trị và vai trò của làng nghề gốm Gia Thủy. Từ đó đưa ra một số giải pháp gìn giữ và phát triển làng gốm Gia Thủy.

Không gian: Xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

Thời gian: Từ năm 2007 đến 2023

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận theo hướng Lý thuyết - Thực trạng - Giải pháp

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập, tổng hợp, phân tích tài liệu: thu thập các tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu: sách, báo, tạp chí, các đề tài, tranh ảnh,... để thấy được nét đặc trưng, những giá trị tiêu biểu của làng nghề cũng như thực trạng của làng nghề hiện nay.

Phương pháp điền dã: đi thực tế tại làng nghề gốm Gia Thủy (Nho Quan) qua đó điều tra trực tiếp bằng quan sát, chụp ảnh, trao đổi với các nghệ nhân,... để thu thập thông tin về làng nghề.

Phương pháp thống kê: Tổng hợp tất cả những số liệu, tư liệu đã thu thập được, tiến hành phân tích làm rõ vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu liên ngành: phương pháp lịch sử, phương pháp logic,... để tiếp cận, phân tích quá trình hình thành, phát triển và những nét đặc trưng của làng nghề.

6. Cấu trúc của đề tài

Bố cục của đề tài: Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục nội dung của đề tài gồm hai chương như sau:

Chương 1: Khái quát một số vấn đề lí luận và địa bàn nghiên cứu

Chương 2: Làng nghề gốm Gia Thủy (xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình) từ năm 2007 đến năm 2023.

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. Lý luận chung về làng nghề và làng nghề truyền thống

1.1.1. Khái niệm làng nghề và làng nghề truyền thống

Người Việt Nam xưa chủ yếu sống dựa vào việc trồng lúa, mà loại cây trồng này lại phụ thuộc vào tính mùa vụ, phụ thuộc vào thiên nhiên,...nên từ đó, các ngành nghề thủ công cũng bắt đầu ra đời. Ban đầu, các nghề thủ công ở nước ta thường theo quy mô nhỏ, chủ yếu sản xuất ra những sản phẩm phục vụ cho nhu cầu hằng ngày. Nghề truyền thống có nhiều giá trị về tinh thần, về kinh tế - xã hội,... vô cùng to lớn và độc đáo, giúp cải thiện được cuộc sống của người dân, tạo ra được những sản phẩm lưu giữ những giá trị văn hoá tốt đẹp,... Vì vậy, từ việc sản xuất thủ công ở từng nhà lan ra các nhà trong làng.

* Làng nghề

Làng nghề ở Việt Nam đã có từ rất lâu đời và có vai trò quan trọng đối với cuộc sống của người Việt. Hiện nay, đã có nhiều chuyên gia nghiên cứu về làng nghề của Việt Nam, mỗi chuyên gia lại có khái niệm về làng nghề khác nhau. Dưới đây là một số khái niệm:

Theo GS Nguyễn Lân trong: *“Từ điển từ và ngữ Việt - Nam”* (2000), NXB TP. Hồ Chí Minh: “Làng là đơn vị quần cư ở một nơi nhất định trong nông thôn. Nghề là công việc hằng ngày làm để sinh nhai” [15, tr.1018-1251]. Làng nghề là khái niệm chỉ một đơn vị quần cư nhất định ở nông thôn, ở đó có một nghề hoặc nhiều nghề tạo ra thu nhập cho người dân.

Theo GS.TS Nguyễn Trí Dĩnh trong Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ của Viện đào tạo công nghệ và quản lý quốc tế *“Những giải pháp nhằm phát triển làng nghề ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng”* (2005) nghiêng về ủng hộ quan niệm: “Làng nghề là những làng ở nông thôn có những nghề phi nông nghiệp chiếm ưu thế về số hộ, số lao động và thu nhập so với nghề nông. Hiện nay, thì làng nghề không chỉ bó hẹp ở quy mô một làng mà gồm một hoặc một số làng và hiện nay các làng nghề không chỉ có các hộ chuyên làm nghề thủ công, nhiều

làng nghề đã áp dụng công nghệ. Trong các làng nghề khi sản xuất phát triển sẽ thúc đẩy các ngành nghề khác phát triển để phục vụ nó” [8, tr.7-8].

Theo ThS. Bùi Văn Vượng trong: *“Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam”* (2002): “Làng nghề là làng cổ truyền làm nghề thủ công. Ở đây không nhất thiết tất cả dân làng đều sản xuất hàng thủ công. Người thợ thủ công nhiều trường hợp cũng đồng thời là người làm nghề nông (nông dân). Nhưng yêu cầu chuyên môn hoá cao đã tạo ra những người thợ chuyên sản xuất hàng truyền thống ngay tại làng quê của mình, hay ở làng nghề, phố nghề nơi khác” [33, tr.13].

Hiện nay, khi cuộc cách mạng khoa học công nghệ đang diễn ra vô cùng mạnh mẽ, các thành tựu khoa học kỹ thuật được áp dụng vào lao động, sản xuất, nhiều làng nghề đã áp dụng các công nghệ cơ khí, bán cơ khí vào trong lao động, sản xuất; dẫn đến sản xuất trong các làng nghề phát triển, góp phần thúc đẩy các ngành nghề khác phát triển để phục vụ cho mình. Từ đó, tạo thêm công ăn việc làm ổn định, tăng thêm thu nhập cho người dân, đồng thời cũng đóng góp một phần không nhỏ vào nền kinh tế quốc gia.

Theo khoản 2 Điều 3 Nghị định 52/2018/NĐ-CP về phát triển ngành nghề nông thôn: “Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 4 Nghị định này” [5].

Dựa vào việc xem xét các khái niệm về làng nghề, chúng tôi có thể đưa ra định nghĩa sau đây: Làng nghề là một điểm quần cư nhất định ở nông thôn hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, thị trấn trong đó người dân chủ yếu sống bằng nghề thủ công. Hiện nay, có một số làng nghề đã áp dụng khoa học công nghệ, máy móc vào trong sản xuất, góp phần thúc đẩy các ngành nghề khác phát triển tạo việc làm cho người dân, góp phần vào sự phát triển bền vững của làng nghề.

*** Làng nghề truyền thống**

Theo ThS. Bùi Văn Vượng trong: *“Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam”* (2002): “Làng nghề truyền thống là thực thể vật chất và tinh thần tồn tại

cổ định của một hoặc nhiều nghề thủ công truyền thống... Làng nghề truyền thống là trung tâm sản xuất hàng thủ công, nơi quy tụ các nghệ nhân và nhiều hộ gia đình chuyên làm nghề mang tính truyền thống lâu đời, có sự liên kết hỗ trợ trong sản xuất, bán sản phẩm theo kiểu phường hội, kiểu doanh nghiệp vừa và nhỏ, có cùng tổ nghề và các thành viên luôn có ý thức tuân thủ những ước chế xã hội và gia tộc. Sự liên kết, hỗ trợ nhau về nghề, kinh tế, kỹ thuật, đào tạo thợ trẻ giữa các gia đình cùng dòng tộc, cùng phường nghề trong quá trình lịch sử hình thành, phát triển nghề nghiệp đã hình thành làng nghề ngay trên đơn vị cư trú, làng xóm truyền thống của họ” [33, tr.13-14].

Theo khoản 3 Điều 3 Nghị định 52/2018/NĐ-CP, “Làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời” [5]. Chúng tôi đưa ra khái niệm về làng nghề truyền thống như sau:

Làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời. Là trung tâm sản xuất hàng thủ công, nơi quy tụ các nghệ nhân và nhiều hộ gia đình có sự liên kết, hỗ trợ nhau về nghề, kinh tế, kỹ thuật, đào tạo thợ trẻ, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

1.1.2. Phân loại làng nghề và làng nghề truyền thống

Làng nghề và làng nghề truyền thống tại Việt Nam đã có từ rất lâu đời và vẫn đang phát triển vững mạnh. Những làng nghề này đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa và kinh tế của người dân. Với sự đa dạng về lịch sử hình thành, ngành nghề, quy mô và sản phẩm, các làng nghề có thể được phân loại theo nhiều cách khác nhau. Dưới đây là một số cách phân loại chính:

Phân loại làng nghề

- Theo lịch sử hình thành:

+ Làng nghề truyền thống: đã tồn tại từ rất lâu, phát triển và duy trì truyền thống như: làng gốm Bát Tràng (Hà Nội), làng thêu Văn Lâm (Ninh Bình),..

+ Làng nghề mới: là làng nghề xuất hiện gần đây do sự du nhập và hội nhập.

- Theo ngành nghề sản xuất kinh doanh:

+ Làng nghề thủ công mỹ nghệ: làng gốm sứ Bát Tràng (Hà Nội), làng nón Tây Hồ (Huế),...

+ Làng nghề công nghiệp, cơ khí, chế tác: làng chạm bạc Đồng Xuân (Thái Bình), dát vàng Kiều Ky (Hà Nội),...

+ Làng nghề chăn nuôi: làng nghề rắn Vĩnh Sơn (Vĩnh Phúc), làng nghề cá cảnh Yên Phụ (Hà Nội),..

+ Làng nghề trồng trọt: làng trồng cây cảnh Vị Khê (Nam Định), làng trồng hoa đào Nhật Tân (Hà Nội),..

- Theo quy mô:

+ Làng nghề quy mô lớn: nhiều hộ gia đình cùng tham gia, tập trung sản xuất trong một lĩnh vực.

+ Làng nghề quy mô vừa và nhỏ: hoạt động sản xuất thủ công, cung cấp dịch vụ cá nhân.

- Theo loại hình kinh doanh:

+ Chuyên sản phẩm: làng mây tre đan Phú Vinh, Phú Nghĩa (Hà Tây),...

+ Sản phẩm truyền thống tổng hợp: Kiều Ky, Đồng Ky,...

+ Kết hợp sản phẩm truyền thống với ngành nghề mới như: dịch vụ, xây dựng.

- Theo phương pháp và công nghệ sản xuất:

+ Mang bản sắc văn hóa: làm tranh dân gian, dệt thổ cẩm, đồ sơn mài;...

+ Sản phẩm thông dụng: thủ công mỹ nghệ, dệt may, làm gỗ, thực phẩm;...

- Theo tính chất kinh tế có:

+ Các làng nghề kết hợp nông nghiệp và phi nông nghiệp

+ Các làng nghề thủ công chuyên nghiệp như: nghề dệt,...

- Theo khả năng phát triển của làng nghề có:

+ Làng nghề phát triển mạnh: là những làng nghề có cơ sở hạ tầng tốt và khả năng cạnh tranh.

+ Làng nghề phát triển chậm chùng: là những làng nghề gặp khó khăn về nguyên liệu, tiêu thụ.

+ Làng nghề đang bị mai một: là những làng nghề đang gặp phải tình trạng suy thoái, suy giảm hoặc đang đối mặt với nguy cơ mất đi.

Phân loại làng nghề truyền thống

Làng nghề truyền thống đã xuất hiện ở nước ta từ rất sớm và có nhiều làng nghề truyền thống vẫn luôn tồn tại và phát triển đến ngày nay, đến nay đã có rất nhiều các nhà nghiên cứu đã đưa ra các cách phân loại làng nghề truyền thống.

Theo ThS. Bùi Văn Vượng trong: “Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam” (2002): Ở nước ta có các làng nghề chủ yếu thuộc các nhóm nghề:

* Thủ công mỹ nghệ: nghề gốm, chạm khắc, đúc đồng, rèn, dệt (vải, lụa), đóng thuyền, kim hoàn, may mặc, thêu, làm nón, giày dép, dệt thảm, ...

* Công cụ sản xuất, vũ khí: nghề làm cày bừa; nghề làm súng, cung, nỏ.

* Làm thuốc và chế biến thực phẩm: nghề đông y, thuốc Nam, nấu rượu, làm tương, nước mắm, muối, đậu phụ, ép dầu thực vật, yến sào.

Ngoài ra, ta cũng có thể phân chia các làng nghề truyền thống theo cách sau: nghề thủ công mỹ nghệ, nghề chế biến, làm thuốc, nghề dệt - nhuộm, nghề sản xuất kim loại, công cụ sản xuất, vũ khí, nghề khác...

1.1.3. Nguồn gốc hình thành làng nghề

Các làng nghề Việt Nam đã tồn tại và phát triển qua nhiều giai đoạn lịch sử. Chúng đại diện cho những thành quả văn hóa và kỹ thuật với các sản phẩm, công cụ và kinh nghiệm sản xuất được gìn giữ đến hiện tại. Những yếu tố này đóng vai trò nền tảng và động lực cho sự phát triển lâu dài và bền vững của các làng nghề trong nước.

“Ngay từ thời kỳ cộng sản nguyên thủy, khi làng xã Việt Nam chưa hình thành, bước vào giai đoạn đồ đá cũ xuất hiện cách đây khoảng 30 vạn năm với đặc trưng là nền văn hóa núi Đọ (Thanh Hóa ngày nay). Đây là địa bàn cư trú đầu tiên của người nguyên thủy Việt Nam. Ngay từ buổi đầu của lịch sử, khi con người vừa xuất hiện, họ đã biết chế tạo các công cụ lao động bằng đá. Khảo cổ học đã tìm thấy ở núi Đọ nhiều mảnh tước và những công cụ chày thô sơ. Đặc điểm chủ yếu của công cụ lao động giai đoạn đồ đá cũ là sự nghèo nàn về loại hình với kỹ thuật chế tác chủ yếu dựa vào cách ghè đẽo.

Với các công cụ lao động đó, người nguyên thủy có thể sử dụng chúng để vót gậy tre, tước vỏ cây hoặc sử dụng vào các hoạt động kinh tế hằng ngày như: đập, nạo xương thú. Có thể nói rằng công cụ lao động giai đoạn đồ đá cũ tuy còn thô sơ nhưng đã đóng vai trò phụ giúp cho người nguyên thủy tiến hành những hoạt động kinh tế thuận lợi hơn” [8, tr.27-28].

Lịch sử của xã hội loài người có một xu hướng phát triển không ngừng, thể hiện qua những bước chuyển mình từ thời kỳ này sang thời kỳ khác. Khởi đầu với một thời gian dài thuộc về giai đoạn đồ đá cũ, con người đã dần dần vượt qua để bước vào một giai đoạn phát triển hơn, đó là thời kỳ đồ đá giữa. Tại khu vực Việt Nam, khoảng một vạn năm trước, giai đoạn này đã xuất hiện và được nhân mạnh bởi sự phát triển của nền văn hóa Hòa Bình, tạo nên một dấu ấn sâu sắc và đặc trưng trong tiến trình lịch sử của dân tộc. Nền văn hóa này không chỉ thể hiện những biến chuyển về mặt công cụ, kỹ thuật mà còn đánh dấu sự phát triển trong lối sống và các mối quan hệ xã hội của con người thời bấy giờ.

“Khi người Việt cổ bước đầu vào buổi đầu dựng nước (khoảng gần 4000 năm) đã tiến vào thời đại kim khí với nền văn hóa Phùng Nguyên – Đông Sơn nổi tiếng thế giới, chắc chắn đã có một sự phân công lao động xã hội sâu sắc. Những di chỉ khảo cổ học về thời kỳ Phùng Nguyên – Đông Sơn ở hầu khắp các tỉnh miền Bắc, dày đặc nhất là khu vực sông Hồng, sông Mã, sông Lam. Các nhà khảo cổ học, qua nhiều chục năm nghiên cứu các di vật khai quật được từ trong lòng đất đã phân loại thời bấy giờ có các nghề thủ công chính như: nghề luyện kim, nghề làm đồ gốm bằng bàn xoay, nghề chế tạo thủy tinh, nghề mộc và sơn, nghề dệt vải, nghề đan lát và nghề chế tác đá” [19, tr.56].

Qua khảo sát kỹ thuật và phân bố tổ chức sản xuất, các nhà khoa học nhận định rằng các nghề thủ công này đã được tổ chức thành từng làng riêng biệt. Sản phẩm chủ yếu được sản xuất để phục vụ mua bán và trao đổi với các cộng đồng khác nhau lân cận. Do đó, làng nghề thủ công Việt Nam đã xuất hiện từ rất sớm. Chứng cứ khảo cổ học cho thấy trong thời kì dựng nước, sự phát triển của nghề chế tác đồ đồng và việc trao đổi sản phẩm rộng rãi đã dẫn đến sự phân công lao động đa dạng. Làng nghề trên lưu vực sông Hồng đánh dấu khởi đầu cho mô

hình kinh tế - xã hội truyền thống Việt Nam với một kiểu phân công lao động xã hội đặc biệt.

Hầu hết các làng nghề thường được hình thành từ những khu vực có nguồn nguyên liệu dồi dào và phát triển dựa trên các kinh nghiệm, kỹ thuật truyền thống được truyền đạt từ thế hệ này sang thế hệ khác. Bởi vậy, mà các làng nghề thường tập trung ở những khu vực cụ thể, tạo ra những sản phẩm chuyên biệt nổi tiếng thế giới. Tùy vào nguồn tài nguyên, nguyên liệu đặc trưng của từng khu vực mà sẽ hình thành làng nghề tương ứng, sản xuất ra các sản phẩm đặc trưng của khu vực.

Theo thời gian, hoạt động này đã phát triển thành việc trao đổi, buôn bán, bởi không gia đình nào có thể tự sản xuất tất cả những gì mình cần. Việc trao đổi không chỉ đáp ứng nhu cầu thiết yếu mà còn góp phần ổn định kinh tế gia đình. Điều này đã thúc đẩy sự hình thành và phát triển của nhiều ngành nghề đa dạng như: may mặc, nông nghiệp, chế biến thực phẩm, gốm sứ và chế tạo kim loại. Dần dần, các làng nghề bắt đầu hình thành từ một vài gia đình trong làng, rồi mở rộng ra các nhà khác trong làng và tiếp tục đến các làng lân cận.

Trong xã hội hiện đại, với sự phát triển của công nghệ và thương mại, máy móc, công nghệ dần thay thế sức người, thay thế việc sản xuất thủ công, nhiều làng nghề đã phải thích nghi, cập nhật kỹ thuật sản xuất để cạnh tranh và tồn tại, phát triển trong môi trường kinh doanh ngày nay. Tuy nhiên, với lòng đam mê và sự tâm huyết của những người làm nghề thủ công thì các ngành nghề, các sản phẩm thủ công được tạo ra vẫn giữ được nguyên vẹn những giá trị văn hóa và truyền thống của chính mình.

Như vậy, có thể thấy làng nghề và làng nghề truyền thống đã hình thành ở nước ta từ rất sớm. Tuy đến nay có một số làng nghề đã bị mai một nhưng nước ta vẫn còn rất nhiều làng nghề, làng nghề truyền thống vẫn đang tiếp tục phát triển đem lại nhiều giá trị to lớn về kinh tế - xã hội, văn hoá.

1.1.4. Tiêu chí làng nghề truyền thống

Theo ThS. Bùi Văn Vượng: Đối với mỗi nghề được xếp vào các nghề thủ công truyền thống, nhất thiết phải có các yếu tố sau:

- Đã hình thành, tồn tại và phát triển lâu đời ở nước ta
- Sản xuất tập trung tạo thành các làng nghề, phố nghề
- Có nhiều thể hệ nghệ nhân tài hoa và đội ngũ thợ lành nghề
- Kỹ thuật và công nghệ khá ổn định của dân tộc Việt Nam
- Sử dụng nguyên liệu tại chỗ, trong nước hoàn toàn, hoặc chủ yếu nhất
- Sản phẩm tiêu biểu, độc đáo của Việt Nam, có giá trị và chất lượng cao, vừa là hàng hoá vừa là sản phẩm văn hoá nghệ thuật, mỹ thuật, thậm chí trở thành các di sản văn hoá của dân tộc, mang bản sắc văn hoá Việt Nam
- Là nghề nghiệp nuôi sống một bộ phận dân cư của cộng đồng. Có đóng góp đáng kể về kinh tế ngân sách nhà nước

Theo thông tư 116/2006/TT-BNN hướng dẫn Nghị định 06/2006/NĐ-CP về phát triển ngành nghề nông thôn do Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành năm 2006 tại phần, mục I:

“1. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống

Nghề được công nhận là nghề truyền thống phải đạt 03 tiêu chí sau:

- a) Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận
- b) Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc
- c) Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề

2. Tiêu chí công nhận làng nghề

Làng nghề được công nhận phải đạt 03 tiêu chí sau:

- a) Có tối thiểu 30% tổng số hộ trên địa bàn tham gia các hoạt động ngành nghề nông thôn
- b) Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 2 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận
- c) Chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống

Làng nghề truyền thống phải đạt tiêu chí làng nghề và có ít nhất một nghề truyền thống theo quy định tại Thông tư này.

Đối với những làng chưa đạt tiêu chuẩn a,b của tiêu chí công nhận làng nghề tại điểm 2, mục I, Phần II nhưng có ít nhất một nghề truyền thống được công nhận theo quy định của Thông tư này thì cũng được công nhận là làng nghề truyền thống” [42].

Qua các tiêu chí công nhận làng nghề, nghề và làng nghề truyền thống đều khẳng định việc hoạt động gắn liền của các làng nghề lâu đời có vai trò quan trọng về văn hóa lịch sử của dân tộc. Nhưng cũng là hạn chế ở một số làng nghề còn mới làng nghề chưa có nhiều hoạt động nổi trội trong thị trường.

1.1.5. Vai trò, vị trí của làng nghề truyền thống trong xã hội hiện nay

Trong xã hội ngày nay, mặc dù công nghệ, máy móc đang phát triển một cách mãnh liệt và đang từng bước thay thế thủ công, thay thế sức người. Tuy nhiên, các làng nghề, làng nghề truyền thống vẫn giữ một vị trí quan trọng, chúng đóng vai trò to lớn trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và trong đời sống của người dân không chỉ ở địa phương mà còn ở một số tỉnh lân cận. Đồng thời, còn đóng góp một phần không nhỏ vào nền kinh tế quốc gia.

Đối với kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới hiện nay

Hiện nay, lịch sử nông thôn Việt Nam luôn gắn liền với hình ảnh các thôn xóm và làng nghề. Đây là những yếu tố cốt lõi trong truyền thống về kinh tế và xã hội ngày nay. Các làng nghề không chỉ đóng vai trò cầu nối giữa nông nghiệp và công nghiệp mà còn gắn kết nông thôn với thành thị, hòa quyện truyền thống với hiện đại. Chúng trở thành một bước phát triển quan trọng trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Những làng nghề, làng nghề truyền thống đã góp phần giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm tăng thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân lao động nơi đây.

Kể từ khi hình thành, làng nghề đã đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các vùng nông thôn theo hướng CNH, HĐH, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân lao động, bảo tồn, phát triển các giá trị về văn hóa. Đây cũng chính là lợi thế và tiềm lực cho sự phát triển của làng nghề, đóng góp vào nền kinh tế của nhiều quốc gia. Đặc biệt trong bối cảnh

xây dựng nông thôn mới hiện nay, làng nghề ngày càng khẳng định về giá trị và tiềm năng của mình.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Trong xã hội hiện nay kinh tế đóng một vai trò quan trọng trong tồn tại và phát triển của các làng nghề, làng nghề truyền thống, đặc biệt là ở các vùng nông thôn. Điều này góp phần tăng tỉ trọng của công nghiệp và dịch vụ, đồng thời giảm tỉ trọng của nông nghiệp. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế giúp đa dạng hóa nền kinh tế và giảm thiểu rủi ro, tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Bên cạnh đó, sự phát triển kinh tế theo hướng CNH, HĐH cho phép làng nghề tạo ra được nhiều sản phẩm độc đáo có giá trị, mang đậm nét văn hóa, nâng cao chất lượng, để đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

Giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân lao động

Với sự phát triển không ngừng và tăng nhanh chóng của dân số, nhu cầu về việc làm ngày càng trở nên cấp thiết, việc giải quyết việc làm cho người lao động trở thành vấn đề đang được quan tâm trong xã hội ngày nay. Đối với khu vực nông thôn thì hiện nay với gần 80% dân số đang sinh sống thì trong tình hình đó, các làng nghề đóng vai trò quan trọng đóng góp vào việc giải quyết việc làm cho người dân lao động như: tổ chức, cung cấp công ăn việc làm cho người dân lao động địa phương và một số nơi khác. Điều này, không chỉ giúp giảm tỉ lệ thất nghiệp, tình trạng di cư và thiếu việc làm, mà còn góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, tạo ra cơ hội cho người lao động có việc làm, từ đó làm ổn định xã hội. Ngoài ra làng nghề còn khuyến khích sự phát triển của các ngành nghề hỗ trợ. Sự phát triển này kéo theo cơ hội mới trong việc cung cấp nguyên liệu, bao bì và dịch vụ vận chuyển, từ đó hình thành ra chuỗi giá trị hoàn chỉnh.

Đối với văn hóa

Làng nghề truyền thống là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống lâu đời, nơi hàm chứa và tồn tại sức sống, tinh hoa của người dân địa phương được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Văn hóa của các làng nghề được hình

thành từ nhiều yếu tố như di tích, lễ hội, phong tục, tín ngưỡng, cũng như các mối quan hệ giữa người dân trong làng. Bên cạnh đó, bí quyết và kỹ thuật truyền nghề, cùng ý nghĩa biểu tượng văn hóa thể hiện trong các sản phẩm, đóng vai trò không thể thiếu. Tất cả những yếu tố này gắn kết chặt chẽ và tương tác lẫn nhau, cùng nhau tạo nên nét văn hóa đặc trưng của làng nghề. Việc bảo tồn và phát triển làng nghề không chỉ là duy trì một nghề thủ công mà còn là bảo vệ một phần quan trọng trong bản sắc dân tộc.

Trong văn hóa làng nghề, các nghệ nhân đóng vai trò rất quan trọng, họ là những người bảo tồn linh hồn, bí quyết của nghề nghiệp và lưu giữ những tinh hoa văn hóa dân tộc, đồng thời họ còn sáng tạo thêm nhiều sản phẩm mới cho làng nghề, với những bàn tay khéo léo, tinh xảo cùng trí thông minh của các nghệ nhân. Họ không chỉ sáng tạo mà còn có trách nhiệm truyền dạy kỹ năng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Vì vậy, nghệ nhân được coi là một trong những yếu tố then chốt của văn hóa làng nghề.

Các làng nghề, làng nghề truyền thống đều mang lại giá trị văn hóa vượt trội, giàu tính nhân văn, có vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch và thu hút đông đảo du khách. Nhờ đó, du lịch trở nên phong phú và đa dạng hơn. Du lịch làng nghề hiện nay là mô hình hiệu quả, giúp du khách khám phá, tìm hiểu sâu sắc về các giá trị văn hóa, phong tục tập quán và lễ hội lâu đời tại các làng nghề cổ truyền.

Với sự biến chuyển của dòng thời gian, việc bảo tồn và phát huy những giá trị về văn hóa ngày càng trở nên quan trọng trong việc lưu giữ và phát huy tinh hoa của di sản văn hóa dân tộc. Sự hình thành và phát triển các làng nghề truyền thống không chỉ đơn thuần là quá trình lịch sử, mà còn là những yếu tố quan trọng trong việc góp phần tạo nên những giá trị văn hóa đặc sắc của từng vùng miền. Các làng nghề đã ghi dấu ấn đặc sắc trong văn hóa dân tộc, bởi những sản phẩm do các nghệ nhân tạo ra mang tính nghệ thuật cao và chứa đựng những bản sắc dân tộc, mang đậm phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, bản sắc văn hóa của mỗi địa phương. Những mặt hàng độc đáo, có giá trị nghệ thuật cao được coi là những biểu tượng đẹp của truyền thống từng vùng miền dân tộc Việt

Nam và mạng đậm dấu ấn truyền thống, đặc tính riêng từ các làng nghề đã đóng góp tích cực vào việc thu hút sự quan tâm của thị trường trong và ngoài nước.

Mỗi sản phẩm từ các làng nghề đều gắn liền với một địa danh cụ thể, phản ánh những phong tục tập quán đặc trưng của từng dân tộc và từng vùng đất. Những sản phẩm này là kết tinh của sự khéo léo và tài năng của các nghệ nhân, và nhiều sản phẩm đã trở thành biểu tượng cho vẻ đẹp và văn hóa cộng đồng làng xã Việt Nam. Do đó, việc bảo tồn và phát triển các làng nghề, đặc biệt là các làng nghề truyền thống, đóng vai trò quan trọng trong việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa độc đáo của dân tộc ta.

Theo ThS. Quách Thị Hương: “Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa luôn gắn kết chặt chẽ biện chứng. Đó là hai lĩnh vực thống nhất, tương hỗ, chi phối ảnh hưởng qua lại trong hoạt động giữ gìn tài sản văn hóa. Bảo tồn di sản văn hóa thành công thì mới phát huy được các giá trị văn hóa. Phát huy cũng là một cách bảo tồn di sản văn hóa tốt nhất” [12, tr.28]. Tại làng gốm Bát Tràng, nhiều di sản văn hóa gắn liền với đời sống, sản xuất và sinh hoạt như: các di tích lịch sử, văn hóa – xã hội, phong tục tập quán, cùng với việc duy trì và phát triển làng nghề truyền thống được người dân bảo tồn và phát triển. Người dân ở Bát Tràng mang trong mình một sự kết hợp hài hòa và tinh tế giữa các nét văn hóa truyền thống đặc trưng của làng quê Việt Nam, cùng với một xu hướng phát triển hiện đại và đầy tiềm năng. Chính sự pha trộn này đã trở thành động lực mạnh mẽ, là hướng đi chiến lược để Bát Tràng không ngừng gia tăng sức hấp dẫn và thu hút sự chú ý đặc biệt của du khách cũng như các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Các làng nghề, làng nghề truyền thống ở Việt Nam đã có bề dày lịch sử hàng trăm năm, thậm chí hàng nghìn năm. Trong suốt quá trình phát triển, làng nghề đã trải qua nhiều bước phát triển khác nhau, đối mặt với nhiều thử thách và khó khăn, cũng như trải qua những giai đoạn thăng trầm của lịch sử đất nước ta. Bởi vậy việc bảo tồn và phát triển có sự đóng góp đáng kể cho việc gìn giữ các giá trị văn hóa của dân tộc địa phương.

Việc bảo tồn và phát triển làng nghề giúp người dân tự hào về truyền thống văn hóa của dân tộc, làng nghề trở thành một không gian giáo dục sống động, giúp mọi người hiểu rõ hơn về giá trị của văn hóa truyền thống.

1.2. Khái quát về xã Gia Thủy

1.2.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên xã Gia Thủy

Vị trí địa lý

Xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, cách trung tâm thành phố Ninh Bình 27 km. Xã Gia Thủy có vị trí địa lý thuận lợi: phía đông giáp với dòng sông Bôi, bên kia sông nhìn sang là xã Gia Hưng thuộc huyện Gia Viễn; phía nam liền kề với huyện Gia Viễn và xã Gia Tường; phía tây tiếp giáp với xã Gia Lâm; còn phía bắc giáp với xã Gia Sơn cùng thuộc huyện Nho Quan.

Điều kiện tự nhiên

Địa hình

“Xã Gia Thủy có tổng diện tích là 6,13,29 ha, trong đó diện tích tự nhiên 613,29 ha, có 1.710 hộ với 6.178 khẩu với 12 thôn, một thôn theo đạo Thiên Chúa giáo, 1 HTX nông nghiệp, 2 HTX tiêu thụ công nghiệp” [40].

Khí hậu

Gia Thủy thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, hằng năm có bốn mùa rõ rệt. Tổng quan khí hậu và thời tiết ở Gia Thủy không thuận lợi cho sự phát triển trồng trọt do mỗi năm vào tháng 9, tháng 10 luôn chịu ảnh hưởng bởi lũ trên hệ thống sông, ngòi gây ngập úng cục bộ, địa hình không bằng phẳng có độ cao chênh lệch tương đối lớn.

Đất đai

Xã Gia Thủy, Nho Quan vùng đất cổ có diện tích tự nhiên lớn so với các vùng lân cận xung quanh. Phổ biến tại nơi đây là đất sét nâu vàng nguồn tài nguyên khoáng sản gắn liền với cuộc sống của nhân dân xã Gia Thủy, loại đất này không dùng để trồng cây vì gây ra khó khăn các hiện tượng không thoát nước và thoáng khí tốt. Thế nhưng đây là nguồn nguyên liệu được những người thợ khai thác tại chỗ tạo nên sự khác biệt của làng nghề gốm Gia Thủy so với các nghề truyền thống khác.

Sự thay đổi các đơn vị hành chính và địa danh hành chính qua các thời kỳ lịch sử

Miền đất Gia Thủy thời Tần – Hán (221 TCN-220) thuộc huyện Vô Công, địa đầu của quận Giao Chỉ.

Thời Đinh (968-980), Gia Thủy thuộc Châu Đại Hoàng của nước Đại Cồ Việt.

Thời Tiền Lê Gia Thủy thuộc châu Trường Yên.

Thời Trần thuộc vùng đất này thuộc lộ Trường Yên, sau đổi thành trấn Trường Yên. Năm 1398, đổi tên thành Trấn Thiên Quan.

Thời thuộc Minh, nước ta bị biến thành quận Giao Chỉ. Xã Gia Thủy lúc bấy giờ nằm ở châu Trường Yên thuộc phủ Kiến Bình.

Thời Lê Sơ (1428-1527), đời Thiệu Bình (niên hiệu vua Lê Thái Tông), Gia Thủy thuộc phủ Thiên Quan trấn Thanh Hoa.

Thời Mạc (1527-1593), 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan gọi là Thanh Hoa ngoại trấn. Vùng đất Gia Thủy lúc bấy giờ thuộc vùng này.

Thời Tây Sơn (1788-1802), Gia Thủy nằm ở vùng Thanh Hoa ngoại trấn thuộc Bắc Thành.

Thời Pháp thuộc (1888), Gia Thủy thuộc huyện Nho Quan.

Trong tiến trình lịch sử của dân tộc, Gia Thủy có nhiều lần thay đổi tên gọi và địa giới hành chính. Vào thế kỉ XIX tổng Đề Cốc, huyện Yên Hóa, phủ Thiên Quan, đạo Thanh Bình gồm 4 xã: Đề Cốc, Nga My, Bất Xi, Ý Na. Xã Đề Cốc gồm các thôn: Mỹ Hạ, Đồng Nòng, Đồng Xung, Đề Thượng, Hạnh Phúc. Trong đó, các thôn Mỹ Hạ, Đồng Nòng (Mỹ Thượng) thuộc xã Gia Thủy hiện nay. Xã Bất Xi gồm các thôn: Ngọc Ba, Mai Xá, Kim Đôi và Liên Phương của xã Bất Một. Các thôn Ngọc Ba, Mai Xá, Liên Phương là thuộc xã Gia Thủy hiện nay. Tổng Uy Tế (Ngọc Nhi) thuộc xã Gia Thủy. Huyện Yên Hóa, phủ Thiên Quan gồm 4 tổng, 19 xã. Trong đó 4 tổng gồm: Vô Hốt, Bất Một, Xích Thổ, Đề Cốc. Theo quyết định Thống xứ Bắc Kỳ vào ngày 27/8/1921 thực dân Pháp cắt tổng Bất Một, Xích Thổ, Đề Cốc của huyện Yên Hóa sáp nhập vào huyện Gia Viễn, Thôn Ngọc Nhi, tổng Uy Tế và tổng Đề Cốc.

Từ năm 1946 đến tháng 9/1949 gồm có xã: xã Ngọc Liên có thôn : Ngọc Ba, Ngọc Nhị, Mai Xá, Liên Phương; xã Thái Bình có thôn: Mỹ Hạ, Nga My. Thôn Mỹ Hạ hiện nay thuộc xã Gia Thủy.

Tháng 9/1949 đến 10/1953 gồm 3 xã Ngọc Liên, Thái Bình, Hợp Hòa hợp nhất lấy tên xã là xã Gia Lâm, Gia Sơn, Gia Thủy. Xã Gia Thủy gồm các thôn: Mỹ Hạ, Ngọc Ba, Ngọc Nhị, Mai Xá, và Liên Phương.

Từ năm 1976, xã Gia Thủy thuộc huyện Hoàng Long, tỉnh Hà Nam. Ngày 27/4/1977, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 125 quyết định hợp nhất huyện Gia Viễn với huyện Nho Quan thành huyện mới gọi là huyện Hoàng Long và xã Gia Thủy thuộc huyện Hoàng Long. Ngày 9/4/1981, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 151/QĐ-CP tách 20 xã phía Đông Bắc huyện Hoàng Long để tái lập huyện Gia Viễn, xã Gia Thủy thuộc huyện Hoàng Long. Theo Nghị định 88/NĐ-CP ngày 23/11/1993 của Hội đồng Chính phủ, huyện Hoàng Long được đổi tên lại tên là huyện Nho Quan, xã Gia Thủy thuộc huyện Nho Quan. Từ năm 1994 thuộc huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình cho đến nay.

Năm 2010 xã Gia Thủy được chia thành 12 thôn xóm: thôn Cây Xa, thôn Chùa, thôn Hoàng Long, thôn Liên Phương, thôn Mai Xá, thôn Minh Giang, thôn Mỹ Lộc, thôn Mỹ Thịnh, thôn Mỹ Thượng, thôn Ngọc Nhị, thôn Ngọc Sơn, thôn Tây Sơn.

1.2.2. Kinh tế, xã hội xã Gia Thủy

Người dân xã Gia Thủy có nghề nghiệp chính là trồng trọt và chăn nuôi nhưng họ vẫn tham gia vào sản xuất TTCN, thương mại và dịch vụ chiếm tới 84% cơ cấu kinh tế. Theo báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024: tình hình kinh tế - xã hội của xã Gia Thủy trong năm 2023, UBND xã đã bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện và Ban chấp hành Đảng bộ xã, tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội đã đề ra, gắn với việc thực hiện chủ đề công tác năm 2023 “Giữ vững kỷ cương, tăng cường trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo, hiệu quả thực chất”, đã giành được những kết quả quan trọng trên các lĩnh

vực: kinh tế tiếp tục phát triển, nông nghiệp đạt năng suất cao, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tăng trưởng khá, được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; văn hoá xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội được đảm bảo; công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền,...được nâng cao.

Bảng 1.1. “ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội xã Gia Thủy năm 2023” [30].

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 | So sánh |
|----|-----------------------------------|-------------|---------------|----------------|----------------|
| 1 | - Tổng giá trị sản xuất | Tr. đồng | 417.240 | 432.505 | + 15.265 |
| | - Tốc độ tăng giá trị sản xuất: | % | 8,2 | 8,5 | Đạt |
| | Trong đó: | | | | |
| | + Nông, lâm, thủy sản | Tr. đồng | 66.759 | 69.201 | + 2.442 |
| | + CN, TTCN, TMDV | Tr. đồng | 350.481 | 363.304 | + 12.823 |
| 2 | Cơ cấu kinh tế: | % | 16 | 16 | Đạt |
| | + Nông - Lâm - TS | % | 84 | 84 | Đạt |
| | + TTCN- Thương mại - dịch vụ | % | 84 | 84 | Đạt |
| 3 | Giá trị sản phẩm trên ha canh tác | Tr. đồng | 99 | 115,8 | + 16,8 |
| 4 | Tổng sản lượng lương thực | Tấn | 2.200 | 2.346,3 | +146,3 |
| 5 | Bình quân thu nhập đầu người | Tr. đồng | 75,3 | 75,3 | Đạt |
| 6 | Tổng thu ngân sách | Tr. đồng | 9.339,34 5 | 10.454,97 8 | + 1.115,633 |

| | | | | | |
|----|---|------|------|------|-------|
| 7 | Xây dựng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu | | Đạt | Đạt | Đạt |
| | Xây dựng thôn NTM kiểu mẫu | Thôn | 3 | 3 | Đạt |
| 8 | Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em | % | 12,0 | 12,4 | - 0,4 |
| | Gia đình văn hóa | % | 90 | 90 | Đạt |
| | Giảm tỷ lệ hộ nghèo | % | 0,2 | 0,2 | Đạt |
| 9 | Đảm bảo an ninh chính trị | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| | Hoàn thành chỉ tiêu khám tuyển và giao quân | % | 100 | 100 | 100 |
| 10 | Giữ vững chính quyền đạt trong sạch vững mạnh | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi vẫn còn không ít khó khăn, tình hình thời tiết, dịch bệnh diễn biến khó lường; ngoài ra, kinh tế, chính trị thế giới và khu vực tiếp tục biến động phức tạp, kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, thách thức: giá nguyên vật liệu tăng cao, chính sách tiền tệ được thắt chặt đã tác động đến phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn xã. Ở xã Gia Thủy cũng còn một số tồn tại, hạn chế như: công tác chỉ đạo sản xuất chưa quyết liệt, công tác quản lý đất đai chưa chặt chẽ, công tác kiểm tra đối với trạm cấp nước sạch chưa thường xuyên, tệ nạn trộm cắp tài sản, cờ bạc, sử dụng trái phép chất ma túy, trọng án vẫn còn xảy ra, việc thực hiện chế độ hội họp, chế độ báo cáo của một số cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã chưa nghiêm,...

Hiện nay, văn hóa, xã hội của xã cũng có nhiều tiến bộ, công tác giảm nghèo đạt hiệu quả, công tác quản lý và điều hành của chính quyền cơ sở được nâng

lên, đời sống nhân dân được ổn định và phát triển đi lên, cơ sở hạ tầng kỹ thuật cũng được đầu tư phát triển.

1.2.3. Lịch sử, truyền thống xã Gia Thủy

Suốt hàng nghìn năm lịch sử lâu dài, người dân Gia Thủy đã có những đóng góp to lớn và đáng ghi nhận trong việc xây dựng và bảo tồn những giá trị văn hóa quý báu của người dân và vùng đất nơi đây. Truyền thống văn hóa tốt đẹp của họ không chỉ được duy trì mà còn phát triển qua các thế hệ, với những phẩm chất quý giá được trau dồi và gìn giữ, truyền đạt lại cho con cháu sau này như một di sản văn hóa sâu sắc và bền vững.

Lao động cần cù, chịu khó là truyền thống lâu đời của nhân dân xã Gia Thủy. Tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954), nhân dân xã Gia Thủy hăng hái lao động, đóng góp sức người sức của vào công cuộc kháng chiến kiến quốc, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, xã Gia Thủy đã tham gia chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, ra sức lao động sản xuất trở thành hậu phương vững chắc ra sức chi viện cho miền Nam.

Bên cạnh truyền thống lao động cần cù, chịu khó. Nhân dân xã Gia Thủy còn có truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc, xây dựng đất nước. Trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, Ninh Bình là một địa bàn chiến lược, chiến trường trong các cuộc khởi nghĩa chống ách đô hộ, của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và giải phóng đất nước. Nhân dân Ninh Bình luôn có những đóng góp nhất định trong chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc, trong đó có sự tham gia của nhân dân xã Gia Thủy. Họ đoàn kết với nhau, gìn giữ truyền thống văn hóa đặc trưng, và thể hiện lòng kiên cường trong cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ và xây dựng đất nước.

Sự đóng góp của họ góp phần làm nên những chiến công hiển hách, vang dội và lừng lẫy của dân tộc trong mọi thời đại lịch sử. Tiêu biểu như cuộc “đẹp loạn 12 sứ quân”, thống nhất đất nước và thành lập nên nước Đại Cồ Việt vào thế kỷ X của người anh hùng Đinh Bộ Lĩnh. Nơi đây in đậm dấu ấn thời trai trẻ của Đinh Bộ Lĩnh.

Xã Gia Thủy đã giành toàn bộ nỗ lực để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong cộng đồng, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ hi sinh và thách thức để chiến thắng mọi kẻ thù, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc và dân chủ nhân dân, tiến tới cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Với truyền thống yêu nước, đoàn kết gắn bó trong đấu tranh chống thiên tai và chống giặc ngoại xâm, cùng với đức tính cần cù và óc sáng tạo trong lao động, nhân dân Gia Thủy đã xây dựng nên một truyền thống kiên cường và bất khuất trong suốt quá trình chống lại sự xâm lược, bảo vệ và xây dựng quê hương. Trong những trang lịch sử hào hùng của dân tộc, Gia Thủy, với vị trí chiến lược quan trọng về quân sự, đã trở thành một chiến trường vững chắc, đồng thời đóng vai trò hậu phương trực tiếp cũng như gián tiếp đầy mạnh mẽ cho cuộc kháng chiến nhằm bảo vệ Tổ quốc và giải phóng giành lại độc lập cho đất nước. Truyền thống quý báu này đã được phát huy mạnh mẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng khi nhân dân nơi đây sẵn sàng đứng lên đấu tranh để giành lại độc lập tự do và xây dựng đời sống mới

Sau khi các cuộc kháng chiến kết thúc, xã Gia Thủy đã vận dụng sáng tạo chủ trương đường lối để lãnh đạo nhân dân khắc phục, vượt qua hậu quả nặng nề mà chiến tranh đã để lại. Địa phương đã tìm kiếm những con đường phát triển mới, kiên quyết vượt qua bao gian khổ, thử thách để thúc đẩy sản xuất và phát triển kinh tế. Đặc biệt, trong lĩnh vực nông nghiệp, xã Gia Thủy đã giành được những thành quả to lớn. Nhờ đó mà đời sống từng bước được ổn định và được cải thiện rõ rệt, song song với việc phát triển văn hóa và xã hội một cách toàn diện.

Từ truyền thống lịch sử ấy, Gia Thủy đã góp phần tạo ra những danh nhân, bậc hiền tài làm rạng danh dân tộc như: Đinh Tiên Hoàng, Dương Vân Nga,...

Xã Gia Thủy có nhiều tập tục, lễ hội truyền thống tiêu biểu như lễ hội Hoa Lư, thờ vua Đinh Tiên Hoàng,...Phần đông cư dân của Gia Thủy theo tín ngưỡng dân gian, thờ cúng tổ tiên và các vị anh hùng dân tộc, bên cạnh đó một bộ phận dân cư theo đạo Phật.

Ở xã Gia Thủy có làng nghề gốm Gia Thủy với tuổi đời hơn 60 năm, là một trong những làng nghề tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình.

Nhân dân Gia Thủy tự hào về những thành quả đã đạt được, tích cực khắc phục những hạn chế yếu kém, đoàn kết, thống nhất, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, phát huy sức mạnh nội lực, sự sáng tạo của quần chúng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị địa phương. Truyền thống lịch sử, văn hóa luôn được người dân Gia Thủy giữ gìn và phát huy. Nó đã trở thành nguồn tài nguyên vô giá của con người Gia Thủy hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1, đề tài đã đưa ra một số khái niệm, cách phân loại về làng nghề và làng nghề truyền thống; về nguồn gốc hình thành làng nghề; tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống. Không chỉ vậy, ở đây còn nói đến vai trò to lớn của làng nghề, làng nghề truyền thống đối với kinh tế - xã hội và văn hoá. Đây không chỉ là nơi bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa, mỹ thuật truyền thống của dân tộc mà còn đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và du lịch địa phương.

Cũng trong chương 1, đề tài đã khái quát về xã Gia Thủy trên ba đặc điểm: 1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên; 2. Kinh tế, xã hội; 3. Lịch sử, truyền thống. Trong chương này, cũng đã làm rõ được địa bàn nghiên cứu. Từ đó, bước đầu nhận diện đối tượng nghiên cứu làm cơ sở để triển khai nội dung tiếp theo ở chương 2 của đề tài tìm hiểu về: Làng nghề gốm Gia Thủy (xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình) từ năm 2007 đến năm 2023.

CHƯƠNG 2: LÀNG NGHỀ GÓM GIA THỦY (XÃ GIA THỦY, HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH) TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2023

2.1. Khái quát sự ra đời của gôm Gia Thủy

2.1.1. Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1958

** Hoàn cảnh lịch sử*

Giai đoạn 1954-1958 là một thời kỳ chuyển tiếp quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Geneve, nước ta tạm thời bị chia thành hai miền, mỗi miền đối mặt với những thách thức riêng biệt. Miền Bắc tập trung vào phục hồi kinh tế và xây dựng xã hội mới theo hướng xã hội chủ nghĩa, triển khai cải cách ruộng đất để giải quyết vấn đề đất đai và hỗ trợ nông dân trong sản xuất. Trong khi đó, miền Nam phải đối diện với tình hình chính trị phức tạp. Chính quyền Sài Gòn, được sự hậu thuẫn của Mỹ, đã đàn áp các phong trào đấu tranh và phá hoại Hiệp định Geneve. Mỹ gia tăng viện trợ quân sự và gửi cố vấn, đặt nền móng cho cuộc chiến tranh xâm lược. Mặc dù bị đàn áp, nhân dân miền Nam vẫn kiên cường đấu tranh và chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến lâu dài. Thời kỳ này không chỉ là thời điểm chuyển giao mà còn đặt nền tảng cho những biến động chính trị và quân sự tiếp theo.

Từ năm 1954 đến năm 1958, Ninh Bình cũng đã phải trải qua những biến động lớn trong bối cảnh tái thiết đất nước sau chiến tranh. Sau Hiệp định Geneve, Ninh Bình trở thành một phần của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và chính quyền địa phương bắt đầu thực hiện các chính sách cải cách xã hội và kinh tế. Chính sách cải cách ruộng đất nhằm xóa bỏ chế độ địa chủ và phân chia lại đất cho nông dân. Dù có nhiều nỗ lực trong phát triển nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và xây dựng cơ sở hạ tầng, chính sách này cũng gây ra xung đột và căng thẳng xã hội. Công tác giáo dục được chú trọng, với nhiều trường học được mở rộng. Trong bối cảnh chiến tranh lạnh, Ninh Bình cũng chịu tác động từ các chính sách và hỗ trợ của các nước xã hội chủ nghĩa, nhằm xây dựng một nền kinh tế vững mạnh và bảo vệ chế độ. Giai đoạn này là thời kỳ chuyển mình,

đánh dấu những nỗ lực trong xây dựng và phát triển, nhưng cũng không thiếu khó khăn và thách thức.

**** Tình hình làng nghề gốm Gia Thủy giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1958***

Làng nghề gốm Gia Thủy tọa lạc tại xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã có lịch sử hình thành và phát triển hơn 60 năm, nổi bật như một trong những ngôi làng nghề truyền thống danh tiếng của Việt Nam. Nghề gốm ở đây có xuất xứ từ lò gốm Long Thịnh của tỉnh Hà Nam, dần được thống nhất và xây dựng uy tín mạnh mẽ trong khu vực.

Theo lời kể của các cụ nghệ nhân địa phương, người đầu tiên mang nghề gốm đến Gia Thủy là bà Phạm Thị Vĩnh. Quê ở thôn Đan Xá, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, sau đó bà đã kết hôn với ông Vũ Đức Nền ở thôn Trinh Phú, xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Năm 1954, sau khi theo chồng từ quê nhà Hà Nam về sinh sống bằng nghề nông tại Gia Thủy, bà Vĩnh đã nhận ra tiềm năng của nguồn đất sét quý quanh khu vực núi Kênh Gà cho việc làm đồ gốm.

Tỉnh Hà Nam nổi tiếng với làng gốm Quyết Thành tại thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, đã tồn tại và phát triển gần 500 tuổi đời. Làng gốm này có lịch sử lâu đời từ khoảng thế kỷ XVI, trước đây được gọi là làng Đình Xá. Nghệ thuật chế tác gốm tại Quyết Thành hoàn toàn làm thủ công với quy trình đòi hỏi sự khéo léo và tỉ mỉ. Nghệ nhân sẽ bắt đầu bằng việc đào đất từ đồng, rồi ngâm trong nước khoảng 24 giờ để làm mềm (tùy loại đất). Sau đó, họ dùng chân giẫm để nhuyễn đất, nhào nặn cho đất đạt độ dẻo cần thiết trước khi tạo hình trên bàn xoay. Sản phẩm sau đó được phơi khô tự nhiên trước khi trang trí họa tiết và đánh giấy ráp. Một số mặt hàng có lớp men bóng phủ theo yêu cầu và được nung trong lò. Sản phẩm đặc trưng của làng nghề này là gốm son với các mặt hàng phong phú như bình rượu, ấm trà, nồi nấu và chum lọ,...

Với sự kết hợp giữa kinh nghiệm từ quê hương và khả năng nhạy bén, bà Vĩnh cùng anh rể Lại Văn Khoa đã quyết định xây dựng một lò gốm mới. Khi đó, đất đai quanh vùng vẫn còn rộng rãi và màu mỡ, thuận lợi cho việc khai thác

nguyên liệu. Đến năm 1958, hai người đã thuê nhân công để dựng lò gốm trên một bãi đất hoang gần dãy núi Đá Bia thuộc làng Kênh Gà, nơi chỉ có vài mái nhà tranh của những cư dân sống bằng nghề chài lưới. Sau khi hoàn thành lò gốm, bà Vĩnh vừa tham gia chế tác vừa quản lý lò. Ông Khoa đã thuê thợ từ Thiệu Hóa (Thanh Hóa) để tổ chức sản xuất và nung gốm hiệu quả.

Những sản phẩm đầu tiên của lò gốm chủ yếu là vại, chum, chậu, nồi niêu phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày. Các sản phẩm này có thiết kế đơn giản, sản xuất số lượng lớn với chi phí thấp mà không đòi hỏi chất lượng cao nhất. Để đáp ứng khối lượng công việc, họ sử dụng loại lò cóc linh hoạt.

Khi lò gốm phát triển, người dân làng Kênh Gà, phần lớn theo đạo Thiên Chúa, bắt đầu chuyển từ nghề nông và chài lưới sang sản xuất gốm sứ. Khu vực gần bên sông trở nên sôi động với dòng thuyền bè qua lại mua hàng gốm. Không chỉ tiêu thụ trong vùng, sản phẩm từ lò còn được vận chuyển đến các nơi khác như Nho Quan và Gia Viễn.

Danh tiếng lan xa, không lâu sau đó, các nghệ nhân như ông Nguyễn Đức Phẫu và ông Đặng Ngọc Chương cũng đầu tư mở lò gốm riêng tại đây. Đến cuối năm 1959, ông Khoa chuyển đến làng Sào, trong lúc bà Vĩnh và em trai Phạm Văn Xiêm tiếp tục điều hành lò gốm cũ. Cùng thời điểm, một nhóm nghệ nhân từ Thanh Hóa cũng bắt đầu mở lò bát tại thôn Phú Nhiêu, tận dụng nguồn tài nguyên phong phú và vị trí giao thông thuận tiện.

Giai đoạn này đánh dấu sự phát triển thịnh vượng của các lò gốm nhờ nguồn nguyên, nhiên liệu dồi dào. Sản phẩm tiêu thụ nhanh chóng, thương lái thường đặt hàng trực tiếp và phải đặt cọc mới có thể mua được hàng hóa tốt nhất từ các lò gốm đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ.

2.1.2. Giai đoạn từ năm 1958 đến năm 1990

**** Hoàn cảnh lịch sử***

Giai đoạn từ 1958 đến 1990 là một thời kỳ biến động trong lịch sử Việt Nam, đánh dấu sự chuyển mình từ kháng chiến giải phóng dân tộc sang xây dựng và phát triển. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Việt Nam chia thành hai miền: miền Bắc theo chế độ xã hội chủ nghĩa gặp khó khăn trong cải cách ruộng đất và

lượng thực, trong khi miền Nam là chiến trường giữa lực lượng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và chính quyền Sài Gòn được Mỹ hỗ trợ.

Chiến thắng Mùa Xuân năm 1975 thống nhất đất nước, nhưng Việt Nam phải đối mặt với khủng hoảng kinh tế và lạm phát. Quan hệ với Trung Quốc trở nên căng thẳng sau cuộc chiến tranh biên giới năm 1979. Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1986 mở ra công cuộc đổi mới, với các cải cách kinh tế theo hướng thị trường, giúp đất nước phát triển nhanh chóng.

Từ năm 1958 đến 1990 cũng là giai đoạn đầy biến động trong lịch sử tỉnh Ninh Bình, khi diễn ra những thay đổi lớn phù hợp với bối cảnh chung của cả nước. Sau giải phóng miền Bắc năm 1954, tỉnh thực hiện cải cách ruộng đất để phân phối lại tài sản cho nông dân. Tuy nhiên, quá trình này gặp khó khăn và tạo ra bất mãn trong một số tầng lớp. Với nền kinh tế chủ yếu nông nghiệp, Ninh Bình có cấu trúc đa dạng, nhưng công nghiệp và thương mại tư nhân vẫn còn yếu.

“Đảng bộ Ninh Bình đã nhận thức được công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa là cuộc đấu tranh gay go, phức tạp, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Tỉnh ủy xác định phương hướng, biện pháp cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp: Đưa nông dân từ làm ăn cá thể tiến tới xây dựng tổ đội công, tiến lên HTX bậc thấp, từng bước tiến lên HTX bậc cao. Trong chỉ đạo tổ chức sản xuất nông nghiệp, Tỉnh ủy chủ trương: Hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa và tổ chức lại lao động. Hợp tác hóa nông nghiệp góp phần đẩy mạnh CNH xã hội chủ nghĩa; CNH xã hội chủ nghĩa tạo điều kiện, củng cố và phát triển hợp tác hóa nông nghiệp” [1, tr.175]. Tỉnh ủy đã thúc đẩy các biện pháp cải tạo xã hội chủ nghĩa, khuyến khích hợp tác hóa nông nghiệp và cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động.

Năm 1986, Đại hội VI mở ra cơ hội lớn cho Ninh Bình khi tham gia vào công cuộc đổi mới, thúc đẩy thu hút đầu tư và phục hồi sản xuất nông nghiệp. Giai đoạn này không chỉ mang lại diện mạo mới cho Ninh Bình mà còn xây dựng nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các thập kỷ tiếp theo, khẳng định vai trò của tỉnh trong bức tranh phát triển chung của đất nước.

*** Tình hình làng nghề gốm Gia Thủy giai đoạn từ năm 1958 đến năm 1990**

Năm 1960, trong bối cảnh cải tổ công - thương nghiệp, chính quyền xã Gia Thịnh đã khuyến khích các tiểu chủ góp vốn xây dựng HTX thủ công. Vào tháng 5 cùng năm, HTX thủ công Thanh Bình ra đời tại làng Kênh Gà, song song với đó, các chủ lò bát ở xã Đức Long (huyện Nho Quan) cũng thành lập HTX Đức Long. Nhờ nghề sành gốm phát triển mạnh mẽ, đời sống của xã viên trong HTX thủ công khá hơn so với xã viên nông nghiệp, khiến nhiều thợ gốm từ Thiệu Hóa, Thanh Hóa chuyên gia đình đến tham gia.

Nhận thấy tầm quan trọng của HTX đối với cộng đồng, đầu năm 1961, UBND huyện Gia Viễn quyết định sáp nhập hai HTX thành HTX Long Thịnh, lấy tên ghép từ hai xã. Kể từ đó, sản phẩm mang nhãn hiệu "gốm Long Thịnh" đã ra đời. Ở giai đoạn này, chỉ những xã có HTX mua bán hoặc cửa hàng mậu dịch mới được phép phân phối sản phẩm gốm Long Thịnh, cấm tiêu thương tham gia.

Nghề gốm Long Thịnh hưởng nhiều lợi thế: nguồn nguyên liệu đất phong phú và rẻ, củi nung sẵn có và giá phải chăng, cùng nguồn lao động dồi dào từ nông dân nhàn hạ. Các sản phẩm gốm làm ra luôn được tiêu thụ hết. Tuy nhiên, thời điểm đó chủ yếu sản xuất các mặt hàng đơn giản như nồi đất, ấm đất, vò, chum, vại, chậu và máng lợn.

Khu vực lò và xưởng gốm Long Thịnh thường xuyên được nâng cấp, nhưng do nằm ở vùng trũng gần sông Hoàng Long, hàng năm bị ngập nước 3-4 tháng, chỉ có thể sản xuất khoảng 7-8 tháng trong năm. Để khắc phục, ban quản trị HTX xin phép mở một cơ sở sản xuất mới tại khu vực Ba Vuông (phía đông sông Vân, Tây - Nam Ninh Bình). Tháng 6 năm 1962, cơ sở gốm Ba Vuông đi vào hoạt động, mở rộng thị trường và tận dụng lao động vào mùa mưa ít hơn. Trong thời kỳ này, gốm Long Thịnh đã thâm nhập vào Ninh Bình và các huyện Gia Khánh, Yên Khánh, Kim Sơn.

Sau ngày 5 tháng 8 năm 1964, khi Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, cơ sở gốm Ba Vuông phải di dời về xã Gia Phú, gần đường 12A (nay là

đường 477). Tháng 6 năm 1966, lò gốm Long Thịnh tiếp tục sơ tán về thôn Mỹ Hạ, xã Gia Thủy để sản xuất các mặt hàng phục vụ kháng chiến. Cùng trong năm 1966, những người làm bát đã tách ra lập xưởng bát Gia Tường dưới sự quản lý trực tiếp của huyện.

Trước năm 1975, sản phẩm gốm Gia Thủy chủ yếu là các mặt hàng truyền thống như chum, vại, nồi đất, ấm đất và lò nung vẫn dùng loại "lò cóc" nhỏ. Tuy vậy, một số lò đã bắt đầu thử nghiệm "lò bầu" (gồm hai bầu trở lên) để nung sản phẩm ở nhiệt độ cao hơn.

Đối với xã Gia Thủy trong giai đoạn những năm sau 1976, nghề gốm Gia Thủy bị khủng hoảng vì nhiều nguyên nhân. Sự xuất hiện của các sản phẩm nhựa và nhôm từ miền Nam, cùng với sự cạnh tranh từ Trung Quốc và Liên Xô cũ, đã tạo ra khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm gốm Long Thịnh. Điều này đã khiến cuộc sống của nhiều thợ gốm rơi vào tình cảnh khó khăn. Hầu hết các thợ gốm, phần lớn đều xuất thân là nông dân, họ đã quyết định trở lại với nông nghiệp. Những người thợ gốm lớn tuổi, các sản phẩm gốm của họ tạo ra không thể tiêu thụ, thường phải mang hàng đi đổi lấy thực phẩm.

Đến năm 1986, tỉnh Hà Nam Ninh quyết định giải thể các HTX thủ công nghiệp không còn khả năng duy trì hoạt động. Trong bối cảnh khó khăn đó, toàn bộ sản phẩm của HTX gốm Long Thịnh đã được đem ra định giá. Mặc dù, tình hình sản xuất không được ổn định nhưng những người thợ gốm tâm huyết vẫn dũng cảm tiếp quản xưởng gốm, dù cho nó đã rơi vào tình trạng hoang tàn.

2.1.3. Giai đoạn từ năm 1990 đến năm 2007

**** Hoàn cảnh lịch sử***

Giai đoạn 1990 đến 2007 ở Việt Nam là thời kỳ quan trọng với nhiều biến động và thay đổi lớn. Sau đổi mới (1986), nền kinh tế chuyển từ kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường, dẫn đến tăng trưởng GDP mạnh mẽ, đặc biệt trong nông nghiệp và xuất khẩu gạo. Chính phủ đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển hạ tầng, công nghiệp và dịch vụ.

Về chính trị, Đảng Cộng sản duy trì vai trò lãnh đạo nhưng có những yêu cầu cải cách từ xã hội. Việt Nam tích cực hội nhập quốc tế, tham gia ASEAN và

WTO, cải thiện đời sống người dân nhưng cũng đối mặt với khoảng cách giàu nghèo và vấn đề xã hội như thất nghiệp, ô nhiễm môi trường. Chất lượng giáo dục được nâng cao nhờ hợp tác quốc tế nhưng Chính phủ cũng phải giải quyết các thách thức về khai thác tài nguyên và quyền tự do cá nhân. Giai đoạn 1990 đến 2007 ở Ninh Bình chứng kiến nhiều biến động quan trọng, đánh dấu sự chuyển mình mạnh mẽ của tỉnh trong bối cảnh phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa.

“Trong thời gian tỉnh mới được tái lập, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh gặp nhiều khó khăn. Ninh Bình lúc đó là một tỉnh nghèo, sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 62,9% GDP nhưng chưa phát triển toàn diện, tốc độ tăng trưởng chậm và chưa vững chắc, còn mang nặng tính chất tự cấp, tự túc; sản lượng lương thực bình quân đầu người năm 1992 mới đạt trên 330 kg. Công nghiệp, TTCN nhỏ bé, phân tán, manh mún; kỹ thuật, công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp, sản xuất kinh doanh ở nhiều đơn vị quốc doanh thua lỗ.

Năm 1992, tổng thu ngân sách trên địa bàn mới chỉ đạt gần 40 tỷ đồng, trong đó, thuế nông nghiệp chiếm khoảng 50% cơ cấu nguồn thu ngân sách. Lao động thiếu việc làm, trong khi dân số tăng cao. Hệ thống giao thông, công trình thủy lợi xuống cấp nghiêm trọng. Trường học, bệnh viện, trạm y tế xã còn thiếu và xuống cấp” [37].

Bên cạnh đó, các vấn đề xã hội cùng đời sống của người dân gặp phải không ít khó khăn, an ninh chính trị và trật tự xã hội diễn biến phức tạp. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể chưa có nhiều đổi mới để đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Tuy nhiên, sau khi tái lập tỉnh, nhờ sự quan tâm của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và sự hỗ trợ từ các bộ, ngành Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Ninh Bình đã quyết tâm phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Kể từ ngày 1/ 04/ 1992, dưới ánh sáng của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng, tỉnh Ninh Bình đã đoàn kết, vượt qua khó khăn, đạt nhiều thành tựu nổi bật.

“Bước vào thời kỳ đổi mới, từ năm 1986 đến cuối những năm 90 của thế kỷ XX, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, nhưng chủ yếu là do chuyển đổi cơ chế quản lí, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lí của hệ thống HTX, những yếu kém, khuyết tật và bất cập của mô hình cũ trong điều kiện mới,... nên HTX đã lâm vào một cuộc khủng hoảng sâu sắc, nhiều HTX tan rã. Giai đoạn 1987 - 1996 với số lượng HTX giảm bình quân hằng năm là 5.486. Đến tháng 12-1996, cả nước còn 17.462 HTX các loại, trong đó chủ yếu là hoạt động yếu kém, chỉ tồn tại dưới hình thức” [43].

**** Tình hình làng nghề gốm Gia Thủy giai đoạn từ năm 1990 đến năm 2007.***

Tuy đã hình thành HTX nhưng thực tế đó chỉ là một mô hình tự sản xuất, tự bảo quản và tự tiêu thụ. Không chịu dừng lại ở đó, ngành gốm ở Gia Thủy đã nhanh chóng thích ứng với nhu cầu tiêu dùng, cân đối cung - cầu qua từng năm, vượt qua khó khăn để phát triển và sáng tạo mẫu mã sản phẩm. Chất lượng sản phẩm gốm Long Thịnh từ đó đã cải thiện rõ rệt.

Năm 1990, tổ hợp gốm Long Thịnh đã tham gia Hội Chợ triển lãm Giảng Võ, Hà Nội, đây được coi như là một dấu mốc đánh dấu lần đầu tiên sản phẩm gốm Long Thịnh được giới thiệu tại thị trường lớn, cạnh tranh với những tên tuổi gốm nổi tiếng như: gốm Bát Tràng hay Bắc Ninh. Nhờ đó mà nhiều khách hàng trong nước và quốc tế đã tìm đến gốm Long Thịnh bởi những đặc điểm độc đáo về kiểu dáng và chất lượng của sản phẩm.

Đặc biệt, vào năm 1999 một công ty đồ gốm ở Okinawa (Nhật Bản) đã đến thăm xưởng gốm Long Thịnh để đánh giá chất lượng sản phẩm và quy trình sản xuất. Dưới những yêu cầu khắt khe của người Nhật, đội ngũ thợ gốm Long Thịnh đã tự tin đáp ứng và cam kết chất lượng sản phẩm được tạo ra. Nhờ đó, đã dẫn đến những đơn hàng thành công với tiêu chuẩn cao từ Nhật Bản. Đây cũng chính là lần đầu tiên mà khách hàng nước ngoài, đặc biệt là Nhật Bản - cường quốc về đồ gốm, đến thăm và hợp tác với một cơ sở sản xuất gốm tại Việt Nam, điều này mang ý nghĩa quan trọng đối với nghề gốm tại Gia Thủy.

Trải qua hàng chục năm, sản phẩm gốm của Long Thịnh - Gia Thủy đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày của người dân trong và ngoài tỉnh Ninh Bình. Với nguyên liệu đất và củi có sẵn tại địa phương qua đôi bàn tay khéo léo của những người thợ, nhiều sản phẩm từ đơn giản đến tinh xảo đã được tạo ra và được thị trường trong nước và quốc tế đánh giá cao. Nhiều sản phẩm được chế tác theo mẫu mới, các sản phẩm của gốm Long Thịnh giờ đây đều là những sản phẩm độc đáo, tinh xảo không sản xuất hàng loạt. Tuy làng nghề gốm và các sản phẩm của gốm Long Thịnh - Gia Thủy đã phải trải qua nhiều biến động, khó khăn song làng nghề đã nhanh chóng thích nghi và phát triển vững mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng, trở thành một giá trị di sản văn hóa phi vật thể quý báu cần được bảo tồn và phát triển.

2.2. Quá trình phát triển của làng nghề gốm Gia Thủy từ năm 2007 đến năm 2023

2.2.1. Giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2012

**** Hoàn cảnh lịch sử***

Giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2012 là một giai đoạn quan trọng trong quá trình đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Năm 2007, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), mở ra cơ hội lớn cho nền kinh tế của Việt Nam. “Đời sống nhân dân được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo của cả nước đã giảm từ 15,47% năm 2006 xuống còn 14,75% năm 2007” [44]. Năm 2008, diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu bắt nguồn từ Mỹ gây ảnh hưởng cho nền kinh tế của Việt Nam: thị trường bất động sản đóng băng, tình trạng lạm phát tăng cao khó kiểm soát,...Chính phủ đã tập trung vào việc đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Đầu tư vào phát triển hạ tầng được đẩy mạnh, đặc biệt là giao thông vận tải nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh và hội nhập. Ngày 25 tháng 12 năm 2008, Việt Nam kí với Nhật Bản Hiệp định đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA), đây là hiệp định thương mại tự do song phương đầu tiên của Việt Nam. Năm 2009, để giải quyết những khó khăn do cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra,

Chính phủ Việt Nam đã tung ra gói kích cầu để đẩy mạnh chi tiêu công, kích thích sự tăng trưởng của kinh tế. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội, Đảng và nhà nước đề ra “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020” [35]. Cũng trong năm 2010, Việt Nam trở thành Chủ tịch của ASEAN lần thứ 2 và thực hiện tốt nhiệm vụ, vai trò của mình.

Tuy ở giai đoạn này, nước ta gặp nhiều khó khăn nhưng nhà nước cũng đã kịp thời đề ra nhiều giải pháp để khắc phục khó khăn, đồng thời vẫn luôn quan tâm sát sao đến đời sống nhân dân.

Ở địa phương Ninh Bình, “Ngày 7/ 02/ 2007, chính phủ đã ban hành Nghị định số 19-NĐ/CP thành lập thành phố Ninh Bình trực thuộc tỉnh Ninh Bình” [4], tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2012, tình hình trong nước và thế giới đang có nhiều biến động, gây ảnh hưởng lớn tới nền kinh tế. Tuy nhiên, trong điều kiện khó khăn như vậy, nền kinh tế của tỉnh Ninh Bình vẫn ở mức phát triển ổn định. “Cơ cấu kinh tế đến năm 2010: Công nghiệp - xây dựng: 48,9%; dịch vụ: 35,3%; nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 15,8%” [38]. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp và xây dựng có sự phát triển vượt trội với nhiều dự án trọng điểm về các lĩnh vực. Tỉnh Ninh Bình tích cực đầu tư và thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch, nâng cấp hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng, đa dạng hoá loại hình du lịch: du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng, tâm linh,...để thu hút khách du lịch. Đời sống nhân dân dần được cải thiện rõ rệt, tỉ lệ hộ nghèo giảm. Hệ thống chính trị ở địa phương tiếp tục được củng cố và nâng cao chất lượng. Bên cạnh đó ở giai đoạn này Ninh Bình cũng có không ít khó khăn. Vấn đề ô nhiễm môi trường: làng nghề đá Ninh Vân, mặc dù đem lại nguồn kinh tế cho địa phương nhưng nơi đây lại bị ô nhiễm do bụi từ các xưởng đá;....Thiếu nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật cao, thiếu tác phong công nghiệp,...Điều này đã gây không ít những khó khăn cho quá trình sản xuất, kinh doanh, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, cần đưa ra những giải pháp khắc phục khó khăn, kịp thời nắm bắt cơ hội để phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2012, với những chính sách đúng đắn, sự

đầu tư mạnh mẽ, sự nỗ lực của người dân, Ninh Bình đã đạt được những thành tựu đáng kể trên nhiều lĩnh vực, trở thành một trong những điểm du lịch hấp dẫn của Việt Nam.

Hội nhập quốc tế đem lại cho nước ta nhiều cơ hội nhưng đồng thời nó cũng tồn tại những hạn chế, trong đó có nguy cơ đánh mất bản sắc văn hoá dân tộc. Một trong những việc làm của nhà nước để bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc là khuyến khích phát triển các làng nghề.

Nhà nước và các địa phương đã đưa ra các chính sách nhằm khuyến khích sự phát triển của các làng nghề và làng nghề truyền thống: “Quyết định số 11/2011/QĐ-TTg về chính sách phát triển ngành mây tre” [23], “Quyết định số 04/2007/QĐ-UBND về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” [26]. Ở tỉnh Ninh Bình, việc khôi phục và phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống không chỉ giúp bảo tồn nền văn hoá mà còn mở ra nhiều cơ hội lớn cho các địa phương vươn lên phát triển kinh tế, đặc biệt là ở những địa phương không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp như: đất đai ít màu mỡ, hay bị lũ lụt,... Chính vì vậy, địa phương đã tích cực đề ra các chính sách nhằm phát triển làng nghề: gắn làng nghề với phát triển du lịch, hỗ trợ vay vốn, đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức các hội chợ thương mại và làng nghề để quảng bá sản phẩm, cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông vận tải để thuận tiện cho quá trình sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu. Đặc biệt, là khuyến khích các hộ sản xuất liên kết thành HTX để tăng quy mô sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh.

**** Tình hình làng nghề gốm Gia Thủy giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2012***

Từ năm 1999, người Nhật bắt đầu có sự hợp tác với làng nghề gốm Gia Thủy những yêu cầu mà người Nhật đặt ra cho những người thợ gốm thật sự khắt khe nhưng đã được họ chấp nhận và đáp ứng thành công. Lần hợp tác này đã đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của làng nghề, mở ra hướng phát triển mới cho làng nghề. Sự hợp tác này đã đưa vào làng nghề những kỹ thuật hiện đại, giúp cải thiện chất lượng sản phẩm, đa dạng danh mục hàng

hóa từ những sản phẩm truyền thống đến những sản phẩm mới, hiện đại. Kể từ đó, làng nghề gốm đã trải qua những biến đổi đáng kể về cách thức kinh doanh, chất lượng hàng hoá, chất lượng đất đai và loại hình sản phẩm. Về các khâu trong quá trình sản xuất hầu như vẫn giống giai đoạn trước chỉ khác ở một số công đoạn có thêm máy móc hỗ trợ. Tuy nhiên nếu so với các làng nghề nổi tiếng khác như làng nghề gốm Bát Tràng thì gốm Gia Thủy vẫn còn khá mới, với quy mô nhỏ hơn, các sản phẩm cũng đơn giản hơn. Năm 2010, làng gốm Gia Thủy được công nhận là một trong những làng nghề tại Ninh Bình. Đánh một dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của làng nghề, tạo cơ sở pháp lý để làng nghề này được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của chính quyền.

Phương pháp sản xuất gốm Gia Thủy chủ yếu vẫn là những phương pháp thủ công truyền thống nhưng đã có máy móc hỗ trợ trong quá trình sản xuất.

Về khâu xử lý nguyên liệu

Nguồn nguyên liệu chính là đất sét - là nguồn nguyên liệu có sẵn tại địa phương được khai thác bằng cách thủ công. Đất sau khi khai thác sẽ vận chuyển về nơi sản xuất; xếp thành từng đống to, gọn ghẽ ở ngoài trời để cho đất “hả hơi”. Các công đoạn trong quá trình làm gốm như nhào đất, tạo hình, nung,... chủ yếu được thực hiện thủ công bằng tay và các dụng cụ đơn giản, đòi hỏi người thợ phải có sự khéo léo, kinh nghiệm. Bên cạnh đó, một số công đoạn cũng có sự tham gia của máy móc. Ở giai đoạn trước đây làng nghề sử dụng chủ yếu là đất thô, đất sau khi phơi khô đem đập nhỏ và sàng lọc loại bỏ tạp chất. Nhưng giai đoạn này, làng nghề bắt đầu cải tiến chất liệu bằng cách sử dụng đất được tinh lọc đã giúp cho màu sắc và hình thức sản phẩm trở nên thu hút hơn. Các công đoạn xử lý đất:

Ủ đất: những người thợ dùng xẻng xắn đất đắp thành đống và san phẳng bề mặt tạo thành một khối vuông. Sau đó dùng cuốc xẻ đất nhỏ ra, dội nước đều đặn sao cho đất thấm đẫm nước, đất ủ càng lâu càng tốt và sử dụng phen nứa để che chắn đất ủ khỏi nắng gió tránh cho đất không bị khô.

Thái, nhào đất: dùng mai loại nhỏ cắt đất thành từng lát mỏng đặt sang bên cạnh, đây là công đoạn thái đất. Đất xẻ đến đâu nhặt luôn những vật cứng, sỏi,

đá ra khỏi; nếu thấy chỗ đất nào cứng thì nhặt riêng ra để tiếp tục tưới thêm nước. Đồng thời dùng chân đạp đất ra cho nhuyễn - đây là công đoạn nhào đất sống.

Luyện đất: Dùng một loại kéo đặc biệt dùng để cắt đất bằng dây thép hay còn gọi là “nè”, cắt từng lát đất đã được thái, nhào thành những lát đất mỏng sau đó vo lại; đặt xuống nền cứng, dùng chân đạp sao cho nhuyễn, dẻo. Công đoạn này cần phải được thực hiện một cách tỉ mỉ, kĩ càng cho đến khi cắt lát đất ra thấy mịn, không còn sỏi, tạp chất - đây còn gọi là công đoạn luyện đất chín. Sau đó, người ta đập thành những quả đất hình mũ nấm, dùng kéo dây cắt bỏ phần thừa và thoa một lớp bóng để giữ ẩm cho đất. Ngoài ra, người ta còn sử dụng phương pháp bán thủ công, giảm được phần nào sức lao động của người thợ. Đất sau khi khai thác về sẽ được đem đi phơi khô, đập nhỏ ra rồi mới cho vào các bể lọc. Các bể lọc được xây bằng gạch, trát bằng vữa vôi, xi măng; có chiều cao khoảng 1,2m, dài khoảng 1,8m, rộng khoảng 3m để thuận tiện cho người lọc đất; mỗi bể sẽ có một lỗ thông để tháo nước. Đất sau khi cho vào các bể thì đổ nước vào làm sao cho đất ngập trong nước, đảo cho đất nhão ra, để cho đất lắng khoảng 1 ngày đêm, rồi tháo cạn nước. Phần đất phía trên là phần đất tinh, không lẫn sỏi đá sẽ được đem đi phơi tới độ quánh dẻo đem ra đạp cho thật nhuyễn, dẻo. Để cho đất trở nên quánh dẻo hơn, những người thợ thường đem đất vo lại rồi ném vào tường gạch để hút dần nước trong đất. Còn phần đất ở dưới bể được lắng lại chứa các tạp chất, sỏi đá sẽ không sử dụng được. Đất được lọc qua bể tuy rất mịn và tinh, sạch cát sỏi, tạp chất nhưng để cho đất trở nên quánh dẻo thì vẫn cần phải đem đi phơi và đạp bằng chân.

Về khâu tạo hình sản phẩm

Đây là một khâu đòi hỏi người thợ phải có tay nghề, kĩ thuật, sự khéo léo, tỉ mỉ. Khâu này cần phải có hai người thợ: một người thợ se đất và một người thợ chính chuốt sản phẩm.

Đầu tiên là công đoạn se đất, ở công đoạn này sử dụng bàn se cao ngang thắt lưng người thợ, được làm bằng gỗ chắc chắn. Đặc biệt, mặt bàn phải thật phẳng, mịn mới tạo ra sản phẩm đạt yêu cầu. Người thợ dùng kéo cắt đất thành các lát

mỏng xếp thành một món đất để lên bàn se, dùng tay lăn qua lăn lại thành những sợi đất dài khoảng 50cm, đường kính tùy thuộc vào độ dày, mỏng của sản phẩm. Trong quá trình se đất, người thợ tưới nước đều đặn cho đất để không bị dính.

Sau khi se xong người thợ se đất sẽ đưa đất đó cho người thợ chuốt chính. Đất sẽ được đặt trên bàn chuốt có hình tròn đường kính khoảng 80cm. Ở giữa bàn chuốt có một ổ bi để quay bàn chuốt, mặt bàn chuốt phải thật phẳng. Người thợ phụ sẽ đạp đũa cho bàn chuốt quay đều, tốc độ nhanh hay chậm tùy vào yêu cầu của người thợ chuốt và tùy thuộc vào kiểu dáng sản phẩm. Các sợi đất đặt trên bàn chuốt thành một vòng tròn, người thợ sẽ dùng một tấm “thoi” bằng gỗ, hình vuông đặt ở giữa bàn chuốt sau đó đặt đất lên. Tấm “thoi” to hay nhỏ tùy thuộc vào kích thước sản phẩm. Sau khi tạo được đáy cho sản phẩm người thợ tiếp tục tăng các vòng đất. Một tay người thợ giữ ở ngoài làm mịn cho sản phẩm, tay còn lại đặt ở bên trong để vuốt sản phẩm lên cao, phình to đúng kích cỡ cần đạt.

Công đoạn tiếp theo là “gia” phơi sản phẩm, người thợ sử dụng một dụng cụ được gọi “giá”, phần lưới có hình bán nguyệt, phần thân có hình lá đề, có chuôi cầm. Một tay người thợ cầm “giá” đặt ở bên trong, miết nhẹ; tay còn lại đặt ở bên ngoài phơi để nắn chỉnh theo hình dáng, kích thước của sản phẩm muốn tạo ra. Sau khi xong, người thợ cắt phần rìa ở đáy sản phẩm và vuốt cổ bình cho cao, thon hơn. Đối với những sản phẩm to người ta thường chuốt từng bộ phận sau đó đem đi phơi hong và lắp ghép lại với nhau. Khi đã lắp ghép xong người thợ sẽ dùng bàn vỗ, để vỗ và nong sản phẩm. Khi vỗ phải vỗ từ từ, không thể vỗ liên tục vì sẽ làm sản phẩm bị hỏng, méo.

Đối với sản phẩm gốm mỹ nghệ có nhiều chi tiết được tạo ra và gắn vào phơi sản phẩm tùy từng mẫu mã như: quai gắn xung quanh hũ, quai ấm,... Các chi tiết nhỏ phải được chế tác hoàn toàn thủ công sau đó mới gắn vào sản phẩm. Công đoạn này đòi hỏi người thợ cần phải có sự khéo léo, tỉ mỉ. Các họa tiết trang trí thường được vẽ trực tiếp lên sản phẩm hoặc chế tác riêng sau đó gắn vào phơi sản phẩm. Có những họa tiết sau khi được gắn vào sẽ làm thay đổi cả

kiểu dáng của sản phẩm. Bằng sự khéo léo, sáng tạo của mình, những người thợ đã làm nên giá trị thẩm mỹ độc đáo cho các sản phẩm.

Cuối cùng, là công đoạn nạo phôi sản phẩm, người thợ đưa sản phẩm lên bàn xoay, quay đều và dùng dao gọt cho sản phẩm tròn, nhẵn. Dao dùng để gọt phôi được làm bằng nửa gỗ do nửa có tính mềm dẻo, nhẹ, bền, dễ tìm kiếm mà lại thân thiện với môi trường. Không thể thay thế dao nửa bằng các loại dao khác vì dao kim loại cứng dễ làm nứt vỡ gốm khi ở dạng phôi; dao nhựa dễ bị mòn, biến dạng; dao gỗ quá cứng gây khó khăn trong việc tạo ra các đường cắt mềm mại và đặc biệt không dùng tre, trúc thay cho nửa vì tre, trúc có độ cứng cao hơn. Tuy nhiên, đối với một số sản phẩm như: bát, đĩa, nắp ấm,...không được sử dụng bàn xoay mà phải gọt bằng tay - đây là kỹ thuật truyền thống.

Về loại hình sản phẩm

Ở giai đoạn này, nếu như làng nghề gốm Bồ Bát có các sản phẩm đa dạng từ đồ dùng phục vụ sinh hoạt đến các sản phẩm mỹ nghệ thì ở làng nghề gốm Gia Thủy chủ yếu là các sản phẩm để phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của người dân, mang đậm nét truyền thống như: chum, vại, chậu, ấm đun nước, nồi niêu,... nhưng đã được cải tiến về kiểu dáng, hoa văn. Bên cạnh đó, các mặt hàng của làng nghề dần trở nên phong phú, đa dạng hơn, một số sản phẩm trang trí như: bình rượu, bình cắm hoa, bình trà, bình trang trí nội thất,... cũng được sản xuất, các hoa văn trang trí cũng dần trở nên tinh xảo, tỉ mỉ hơn.

Về khâu phơi khô sản phẩm

Sau khi tạo hình sản phẩm sẽ đem các sản phẩm ra phơi. Công đoạn này cần có sự phối hợp của hai người thợ, người thợ vận chuyên sản phẩm ra vị trí phơi theo yêu cầu của người thợ chính. Trong quá trình vận chuyên nếu sản phẩm bị lỗi, người thợ chính nhanh chóng sửa lại. Nếu chưa kịp sửa thì cần phải che chắn cho sản phẩm để không bị khô, cứng lại nhanh. Khi phơi cần phải phơi ở chỗ có nắng nhẹ, thông thoáng để sản phẩm có thể khô từ từ.

Về khâu nung

Sau khi các sản phẩm được phơi xong sẽ đưa vào lò để nung. Ở giai đoạn này, làng nghề sử dụng lò cóc để nung sản phẩm. Lò cóc có hình dạng như một

con cóc, có một bầu nhỏ, phình to, dài khoảng 4 - 5m, rộng gần 3m; nóc hình vòm. Loại lò này có hai cửa: một cửa để đưa sản phẩm vào và ra, khi nung cửa này thường được bịt kín bằng đất. Cửa còn lại nhỏ hơn dùng để đốt củi. Hai bên hông lò có hai lỗ thông đối xứng nhau được gọi là lỗ “dòi” dùng để đưa thêm củi giúp tăng nhiệt độ cho lò trong quá trình nung. Lò cóc chỉ dùng để nung các sản phẩm mỏng với các kích cỡ khác nhau. Việc sắp xếp các sản phẩm vào lò cũng rất tỉ mỉ, phải sắp xếp làm sao để tận dụng tối đa diện tích, nguồn nhiệt nhưng cũng phải đảm bảo sự chắc chắn. Mỗi ca nung gồm cần có một thợ chính và hai thợ phụ; người thợ chính phải là người có nhiều kinh nghiệm, nhạy bén để kiểm soát nhiệt độ lò cho phù hợp. Loại lò này phù hợp với những cơ sở sản xuất gồm có quy mô nhỏ như theo hộ gia đình hay làng nghề nhỏ, nung được ít sản phẩm. Ngoài ra, làng nghề cũng đã bắt đầu sử dụng các lò bầu để nung các sản phẩm gốm. Lò bầu thường có từ hai bầu trở lên, thực chất lò bầu là sự liên kết các lò cóc lại với nhau nên về kích thước mỗi bầu lò tương tự như kích thước của một lò cóc. Mỗi lò bầu có một cửa đốt là ba ống thoát khói. Loại lò bầu này có ưu điểm là nung được nhiều sản phẩm với các kích cỡ, hình dạng khác nhau, tiết kiệm được nhân lực, nhiên liệu củi dùng để đốt một lò bốn bầu chỉ tốn một nửa so với nhiên liệu đốt bốn lò cóc. Tuy nhiên, nhiệt độ lò bầu lại khó kiểm soát, yêu cầu người thợ canh lò phải có kinh nghiệm để canh lửa, điều chỉnh nhiệt độ. Vì nếu gốm nung ở nhiệt độ quá cao sẽ dẫn đến biến dạng, nứt vỡ sản phẩm, nổi bóng khí, bong tróc trên bề mặt, khiến cho màu sắc gốm, men biến đổi làm mất đi vẻ đẹp tự nhiên của gốm. Còn nếu nung ở nhiệt độ thấp sản phẩm sẽ không chín, đất sẽ không được kết dính, dễ vỡ; màu sắc không đạt.

Về quy mô sản xuất

Đã thành lập HTX tuy nhiên quy mô sản xuất còn nhỏ. Các sản phẩm làm ra không chỉ phục vụ nhu cầu hằng ngày của người dân trong vùng hoặc một số tỉnh lân cận mà còn xuất khẩu ra nước ngoài. Ngoài những sản phẩm cố định, làng nghề còn nhận làm các sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

Về vấn đề quảng bá sản phẩm, bán hàng

Ở giai đoạn này việc quảng bá sản phẩm, bán hàng chủ yếu là dựa truyền miệng hay tại các chợ truyền thống, trưng bày tại các sự kiện. Các sản phẩm của làng nghề có chất lượng tốt, giá cả hợp lí nên tạo được một lượng khách quen đáng kể, họ sẽ giới thiệu sản phẩm cho người thân, bạn bè. Ngoài ra, những người thợ sẽ đem các sản phẩm của mình ra bán trực tiếp tại các chợ truyền thống, bán cho khách du lịch; trưng bày tại các lễ hội, các hội chợ triển lãm, viết bài giới thiệu trên các tờ báo Trung ương và địa phương,... để quảng bá sản phẩm. Khi có một lượng khách nhất định, các mối lái sẽ đến tận nơi lấy hàng để đem đi các tỉnh lân cận.

Làng nghề gốm Gia Thủy có thuận lợi là có nguồn đất sét làm nguyên liệu có sẵn tại địa phương, khai thác và xử lí đất tại chỗ, thuận tiện cho quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí sản xuất. Làng nghề sử dụng củi dùng để làm nhiên liệu nung lò, nguồn nhiên liệu này lại rất sẵn và rẻ; nguồn nhân lực thì giàu kinh nghiệm, dồi dào do tận dụng các lao động dư thừa vào thời gian rảnh giữa các mùa vụ.

Bên cạnh những thuận lợi, làng nghề cũng gặp không ít khó khăn đó là sự xuất hiện ngày càng nhiều của các sản phẩm bằng nhựa. So với đồ gốm, đồ nhựa có ưu điểm giá thành rẻ, mẫu mã đa dạng, trọng lượng nhẹ, khó vỡ. Tuy nhiên, các sản phẩm nhựa lại gây ô nhiễm môi trường do khó phân huỷ, gây ảnh hưởng đến sức khoẻ. Ngược lại, đồ gốm an toàn cho sức khoẻ con người, có tính thẩm mỹ, thân thiện với môi trường nhưng các sản phẩm gốm lại có giá thành cao, quá trình sản xuất phức tạp, dễ vỡ. Chính vì vậy, để vượt qua những khó khăn cần phải nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng mẫu mã, xây dựng thương hiệu, cải tiến kĩ thuật. Điều này đã khiến nhiều hộ sản xuất gặp khó khăn về vốn để đầu tư vào công cụ, máy móc và nâng cao chất lượng sản phẩm. Gốm Gia Thủy nằm ở khu vực thường xuyên bị lũ lụt vào mùa mưa bão, khiến cho quá trình sản xuất gặp khó khăn. Ngoài ra, giai đoạn này làng nghề nằm trong khu dân cư, vấn đề xử lí chất thải, nước thải sản xuất chưa tốt gây ảnh hưởng đến người dân quanh vùng.

Giai đoạn này, ngoài những thuận lợi làng nghề phải đối mặt với không ít những khó khăn trong quá trình sản xuất, kinh doanh cần phải có những chính sách, biện pháp kịp thời để khắc phục. Đặc biệt sau khi hợp tác với Nhật Bản làng nghề đã có những thay đổi rõ rệt về nhiều mặt, đánh dấu sự phát triển của làng nghề.

2.2.2. Giai đoạn từ năm 2012 đến nay

**** Hoàn cảnh lịch sử***

Từ năm 2012, nền kinh tế nước ta dần có sự ổn định phục hồi. Tuy nhiên tình hình thế giới vẫn còn nhiều biến động phức tạp thêm vào đó là những vấn đề khó khăn trong nước chưa được giải quyết đã ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta. Từ năm 2017, nền kinh tế nước ta có sự khởi sắc đạt mức cao nhất kể từ năm 2008 đến nay, tuy nhiên thì vẫn còn một số hạn chế như: khả năng cạnh tranh chưa cao, năng suất lao động thấp. Năm 2017, Việt Nam đảm nhận vai trò chủ nhà APEC. Ngày 1/ 01/ 2020, Hiệp định thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực. Hiệp định này có quy mô lớn và toàn diện, mở ra cho Việt Nam nhiều cơ hội mới; giúp Việt Nam tiếp cận một trong những thị trường tiêu thụ lớn trên thế giới - EU. “Đây là một trong số những đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam, là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 và nhập khẩu lớn thứ 5” [41]. Năm 2020, dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng lớn đến mọi mặt đời sống xã hội trên thế giới và ở Việt Nam, gây thiệt hại lớn. Nhưng nhờ cho sự chỉ đạo kịp thời, đúng đắn của Đảng và nhà nước trong điều hành khôi phục kinh tế, phòng chống dịch bệnh, sự hợp tác và cố gắng của người dân, cộng đồng doanh nghiệp nên nền kinh tế Việt Nam vẫn ở mức ổn định. Cũng trong năm 2020, Việt Nam lần thứ ba trở thành Chủ tịch ASEAN, đồng thời cũng chính thức đảm nhiệm vai trò Ủy viên không thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2. Từ năm 2022 nền kinh tế Việt Nam dần được phục hồi sau đại dịch Covid 19, thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Đời sống nhân dân cải thiện, công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện kịp thời. Bên cạnh đó, Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng đem lại cho nước ta nhiều cơ hội hợp

tác với các nước trên thế giới, mở rộng thị trường, tạo cơ hội tiếp cận những thành tựu khoa học công nghệ trên thế giới,...

Giai đoạn này tuy nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn, dịch bệnh song nhờ có sự chỉ đạo kịp thời, đúng đắn của Đảng và nhà nước, sự ủng hộ của nhân dân, kinh tế - xã hội của nước ta dần đi vào ổn định và phát triển.

Ở Ninh Bình, “Ngày 20 - 5 - 2014 thành phố Ninh Bình đã được công nhận là đô thị loại II trực thuộc tỉnh, có vai trò thúc đẩy phát triển công nghiệp và du lịch, thương mại không chỉ của tỉnh mà còn cả vùng Đồng bằng sông Hồng, là đầu mối giao thông, cửa ngõ phía Nam vùng Duyên hải Bắc Bộ” [24]. Ở giai đoạn này, hoạt động du lịch của tỉnh Ninh Bình phát triển mạnh mẽ. Khu du lịch sinh thái Tràng An - Tam Cốc đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới năm 2014, mỗi năm thu hút hàng triệu lượt khách du lịch trong và ngoài nước ghé thăm. Điều này đã thúc đẩy cải thiện hạ tầng du lịch: giao thông, khách sạn, nhà hàng,... để đáp ứng nhu cầu cũng như đem lại sự thuận tiện cho khách du lịch ghé thăm, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Năm 2020, đại dịch Covid 19 cũng ảnh hưởng lớn tới tỉnh Ninh Bình. Hoạt động du lịch bị ảnh hưởng nặng nề, lượng khách du lịch giảm sút, nhiều địa điểm du lịch phải tạm thời đóng cửa. “Năm 2021, toàn tỉnh Ninh Bình ước đón 1.325.000 lượt khách, bằng 50,47% so với cùng kỳ năm 2020” [39]. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản gặp nhiều khó khăn; công nghiệp bị thiếu nguồn nguyên vật liệu, doanh thu giảm sút, song nhờ sự chủ động, tích cực phòng, chống dịch bệnh ngành công nghiệp vẫn tăng so với năm trước. Công tác xây dựng nông thôn mới của địa bàn tỉnh đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Sang năm 2023, dịch bệnh Covid đã được kiểm soát hoàn toàn, các hoạt động du lịch, vận tải hành khách tiếp tục hoạt động mạnh mẽ trở lại, đạt tốc độ tăng trưởng cao, thu hút nhiều vốn đầu tư, thúc đẩy cơ sở hạ tầng phát triển. Tuy nhiên, đời sống người dân vẫn còn nhiều khó khăn. Để khắc phục tình trạng đó, tỉnh đã nhanh chóng triển khai các chính sách hỗ trợ để đảm bảo đời sống cho người dân, thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển. Ngoài ra, tỉnh cũng gặp không ít khó khăn: vấn đề ô nhiễm không khí; ô nhiễm nguồn nước,... Những chính sách mà tỉnh đề ra

đã góp phần đưa Ninh Bình trở thành một địa phương phát triển năng động, thu hút đầu tư và tạo điều kiện sống tốt đẹp hơn cho người dân.

Các nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống luôn có vai trò quan trọng trong mọi mặt đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội. Nhận thấy vai trò to lớn đó nhà nước và các địa phương luôn dành sự quan tâm đến sự phát triển của các nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống; đưa ra các chủ trương, chính sách nhằm bảo tồn và phát triển làng nghề như: Nghị định 52/2018/NĐ-CP về phát triển ngành nghề nông thôn, Quyết định số 801/QĐ-TTg phê duyệt chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2012 - 2030.

Hiện nay thì tỉnh Ninh Bình bên cạnh việc bảo tồn và phát triển các làng nghề, tỉnh còn đang hướng tới phát triển du lịch gắn với làng nghề. Để làm được những điều đó tỉnh Ninh Bình đã đưa ra các kế hoạch, chính sách khuyến khích phát triển làng nghề: “Kế hoạch số 69/KH-UBND về bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2023” [31]. “Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022 - 2025” [13]. Những chính sách, kế hoạch mà tỉnh đề ra đã giúp các làng nghề dần được phục hồi và phát triển; tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân; nhiều làng nghề hiện nay đã trở thành địa điểm du lịch hấp dẫn;...Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế các sản phẩm của một số làng nghề hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường, mẫu mã đa dạng, khó cạnh tranh với các sản phẩm công nghiệp,...Tỉnh và nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho làng nghề phát triển, gắn phát triển du lịch với làng nghề truyền thống.

**** Tình hình làng nghề gốm Gia Thủy giai đoạn từ năm 2012 đến nay.***

Trước kia, làng nghề gốm Gia Thủy từng toạ lạc tại địa phận làng Kênh Gà (Hiện nay thuộc xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn). Tuy nhiên, ở khu vực này làng nghề đã gặp phải không ít khó khăn do diện tích hạn chế lại nằm trong khu dân cư và hoạt động chủ yếu qua các hộ gia đình hoặc làng nghề với quy mô nhỏ lẻ. Bên cạnh đó, việc giao thông không thuận lợi ảnh hưởng lớn tới việc vận chuyển nguyên liệu, hàng hoá. Điều này khiến cho các sản phẩm của làng nghề khó tiếp

cận được với thị trường, khả năng tiếp thị kém.

Từ năm 2012 đến nay, làng nghề đã được chuyển về vị trí mới, thuộc xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Làng gốm Gia Thủy nằm bên dòng sông Hoàng Long, đây là một địa điểm có nguồn tài nguyên đất sét chất lượng cao - là nguyên liệu chính trong quá trình sản xuất gốm. Những điều kiện tự nhiên vô cùng thuận lợi như khí hậu ôn hòa, cùng với nguồn nước dồi dào đã tạo điều kiện lý tưởng để ngành gốm tại đây phát triển một cách mạnh mẽ. Nếu như ở làng nghề gốm Bồ Bát (huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình) sử dụng loại đất sét trắng quý hiếm thì ở làng nghề gốm Gia Thủy lại sử dụng loại đất sét có màu nâu vàng, độ kết dính cao, mịn, độ dẻo dai đáng kể và khả năng chịu nhiệt rất tốt, chính nhờ những ưu điểm này khiến nó trở thành một lựa chọn lý tưởng cho việc chế tác gốm. Hơn nữa, việc tập trung các hộ gia đình thành HTX sẽ tạo điều kiện để tập trung nguồn lực, thuận lợi cho việc đào tạo lao động, thuận lợi cho việc cung cấp nguyên vật liệu, tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân, đóng góp vào kinh tế của địa phương, tạo ra cơ hội mở rộng làng nghề. Ngoài ra, khi làng nghề tách khỏi khu dân cư giúp dễ dàng quản lý, xử lý chất thải, giảm ô nhiễm. Theo chị Phạm Thị Vi (kế toán kiêm thợ kỹ thuật của HTX gốm Gia Thủy) cho biết rằng, mặc dù việc di chuyển tới vị trí mới giúp tận dụng được mặt bằng rộng lớn hơn và hệ thống giao thông cũng thuận lợi hơn rất nhiều so với trước đây, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng từ phía làng nghề gốm Gia Thủy, sự hỗ trợ của các cấp chính quyền để vượt qua.

Mặc dù khu vực sản xuất đã được mở rộng đáng kể với sự hỗ trợ tích cực của chính quyền, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức trong việc phát triển không gian trưng bày sản phẩm và triển khai mô hình kinh doanh hiện đại. Khu vực sản xuất hẹp, chưa đáp ứng được nhu cầu mở rộng kinh doanh và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Điều này đặt ra thách thức lớn cho những người thợ thủ công trong việc thúc đẩy sự phát triển của làng nghề, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế địa phương. Để khắc phục những vấn đề này một cách hiệu quả, cần phải có các chính sách hỗ trợ cụ thể, thiết

thực từ chính quyền địa phương và các tổ chức, các chính sách này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của làng nghề, tăng khả năng cạnh tranh.

Để thúc đẩy sự phát triển của làng nghề, vào năm 2012, “UBND xã Gia Thủy đã dành ra một khu đất rộng 5000m², xa khu dân cư để đưa các hộ làm nghề gốm đến đây mở rộng quy mô sản xuất và 9.800m² khu nguyên liệu để các cơ sở gốm khai thác nguồn đất sét phục vụ cho sản xuất làng nghề” [45]. Việc làm này cho thấy sự quan tâm của chính quyền đối với làng nghề, đồng thời cũng mở ra cơ hội phát triển lâu dài cho làng nghề. Ngoài ra, tỉnh Ninh Bình còn có chính sách hỗ trợ cho các làng nghề, nghề và làng nghề truyền thống. Đồng thời, tỉnh “tổ chức đào tạo nguồn nhân lực; ứng dụng khoa học công nghệ vào trong sản xuất; quảng bá, xúc tiến thương mại;...” [28].

Kể từ sau khi hợp tác với người Nhật, làng nghề gốm Gia Thủy đã có sự thay đổi về nhiều mặt. Tuy nhiên từ năm 2012 đến nay, đa phần các khâu của quá trình sản xuất gốm không có nhiều sự thay đổi. Hiện nay, làng nghề vẫn giữ gìn những kỹ thuật làm gốm truyền thống, đặc biệt là trong khâu tạo hình và trang trí.

Về khâu xử lý nguyên liệu

Ở giai đoạn này, làng nghề sử dụng phương pháp luyện đất bằng máy. Đây là phương pháp kết hợp giữa cơ khí với thủ công. Đất khi khai thác về sẽ được đem đi ủ, thái, nhào; sau đó người thợ sẽ đưa vào máy để nghiền. Máy nghiền đất thông qua trục hình xoắn ốc để nghiền nhỏ, làm mịn đất; giúp giảm được đáng kể sức lao động, tăng năng suất. Ngoài những ưu điểm, loại máy này cũng có một số nhược điểm như: chi phí đầu tư, bảo trì lớn; kích thước vật liệu đưa vào cũng bị hạn chế; việc vận hành máy cũng yêu cầu người thợ phải có kỹ thuật cao. Tuy nhiên đất sau khi đã được nghiền qua máy vẫn phải qua khâu thái, cắt đất để nhặt sỏi.

Về khâu tạo hình sản phẩm:

Sử dụng bàn chuốt điện thay cho bàn chuốt thủ công, về cấu tạo vẫn giống như bàn chuốt thủ công nhưng có thêm động cơ điện. Ưu điểm của bàn chuốt

điện là có tốc độ quay ổn định, dễ điều khiển giúp người thợ tạo hình sản phẩm chính xác, đều tay hơn mà lại ít tốn sức, tạo ra năng suất cao, đặc biệt người thợ chính có thể vừa chuốt vừa tự điều chỉnh tốc độ quay. Các hoạ tiết trên sản phẩm thì ngày càng tinh xảo, tỉ mỉ hơn nhưng vẫn mang đậm nét truyền thống lấy cảm hứng từ thiên nhiên. Mỗi hoạ tiết lại mang những ý nghĩa riêng như: hoạ tiết hoa sen tượng trưng cho sự thanh cao, tinh khiết; hoa sen kết hợp với cá chép biểu hiện cho sự thăng tiến; hoa mẫu đơn thể hiện sự giàu sang, quyền lực, phú quý; hoa cúc biểu tượng cho sự trường thọ, cao quý;...

Về loại hình sản phẩm:

Hiện nay, làng nghề vẫn tiếp tục sản xuất các sản phẩm phục vụ đời sống sinh hoạt như: bát, đĩa, ấm,... và sản xuất các sản phẩm mỹ nghệ với những hình dáng bắt mắt, hoa văn tinh xảo, với nhiều công dụng khác nhau như: bình trà, lọ cắm hoa,... Trong những năm trở lại đây, nhu cầu mua sắm các sản phẩm bình, vò, chum sành để ngâm rượu có xu hướng ngày càng tăng cao, nguyên nhân là do rượu khi ngâm vào bình gốm sành sẽ khử được chất độc, làm giảm nồng độ rượu, an toàn hơn với sức khỏe của người sử dụng. Chính vì vậy mà các sản phẩm bình, vò, chum sành cũng đã trở thành sản phẩm chính của làng nghề với những kích thước, mẫu mã, giá thành khác nhau. Điều này đã góp phần không nhỏ giúp cho làng nghề gốm Gia Thủy trở nên phát đạt hơn. Đồng thời, các cơ sở sản xuất vẫn tiếp tục cải tiến mẫu mã sản phẩm để vừa không làm mất đi những nét đặc trưng của gốm Gia Thủy lại vừa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thị trường. So với việc tập trung vào việc phục hồi và phát triển sản phẩm cao cấp, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ của làng gốm Bồ Bát thì làng gốm Gia Thủy lại hướng đến phát triển các sản phẩm truyền thống, đa dạng mẫu mã sản phẩm, tìm kiếm thị trường.

Về khâu nung: Từ năm 2012 đến nay quá trình nung của làng nghề không có gì thay đổi, làng nghề chủ yếu sử dụng lò bầu để nung gốm và sử dụng củi làm nhiên liệu đốt lò.

Về quy mô sản xuất

Ở giai đoạn này việc sản xuất gốm được làm theo mô hình HTX với quy mô lớn hơn, các hộ gia đình sẽ cùng tập trung tại một khu vực để sản xuất, buôn bán sản phẩm.

Về vấn đề quảng bá sản phẩm, bán hàng

Hiện nay, thị trường tiêu thụ chính của làng nghề chủ yếu là trong nước, với nhiều sản phẩm được phân phối đến khắp các tỉnh và thành phố trên cả nước. Các thương lái thường sẽ trực tiếp đến làng nghề để lấy sản phẩm và đem đi tiêu thụ tại các cửa hàng đồ gia dụng, cửa hàng đồ thủ công mỹ nghệ, các chợ truyền thống. Ngoài ra, làng nghề còn tham gia các hội chợ, triển lãm để quảng bá sản phẩm, tìm kiếm khách hàng. Trong thời điểm hiện tại, việc đưa các sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài không còn nhộn nhịp, phổ biến như thời kì trước kia. Tuy nhiên, sản phẩm gốm Gia Thủy vẫn có mặt tại một số thị trường nước ngoài như: Nhật Bản thông qua các hội chợ triển lãm, các sàn thương mại điện tử.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, làng nghề cũng phải đối mặt với nhiều thách thức, sự cạnh tranh mạnh mẽ. Khi quá trình CNH, HĐH ngày càng phát triển dẫn đến những sản phẩm bằng nhựa, sản phẩm gốm sứ công nghiệp đang xuất hiện trên thị trường ngày càng nhiều với ưu điểm giá thành rẻ, mẫu mã đa dạng, sản xuất nhanh, đáp ứng được những nhu cầu có số lượng lớn,... khiến cho việc tiêu thụ của làng nghề giảm. Hơn nữa, các sản phẩm gốm thủ công hiện nay dường như không còn phù hợp với nhu cầu của thị trường, hầu như để phục vụ cho mục đích trang trí, ngâm rượu là chủ yếu. Điều này khiến cho thu nhập của những người thợ trở nên bấp bênh không đáp ứng được nhu cầu cuộc sống hằng ngày, ngoài ra làm gốm cũng là một công việc vất vả, cực khổ vì thế mà thế hệ trẻ của làng nghề thường lựa chọn làm việc ở các khu công nghiệp hoặc lựa chọn học đại học thay vì trở thành những người thợ làm gốm. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho làng nghề có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

Mặc dù, gặp phải khó khăn do sự xuất hiện của các sản phẩm nhựa, gốm sứ công nghiệp song các sản phẩm của gốm Gia Thủy có nét đặc trưng riêng: mang đậm giá trị văn hoá, có tính thẩm mỹ cao,...vì thế mà làng nghề vẫn thu hút

được một số lượng khách hàng nhất định muốn sở hữu sản phẩm mang tính truyền thống,... Để tăng cường tính cạnh tranh của các sản phẩm gốm trên thị trường, tạo thêm thu nhập, ổn định cuộc sống cho người dân, các chủ cơ sở sản xuất gốm đã phải không ngừng tìm tòi, nghiên cứu các loại máy móc, áp dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất nhằm tạo ra những sản phẩm với năng suất, chất lượng cao hơn so với cách làm thủ công truyền thống trước kia. Đồng thời, cần phải có những chính sách khuyến khích thế hệ trẻ học, tham gia vào việc sáng tạo ra mẫu mã sản phẩm mới, để làng nghề tiếp tục được truyền lại cho thế hệ sau này.

Làng nghề đã không ngừng nỗ lực để vượt qua khó khăn và đạt được không ít những giải thưởng: Chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2017; Giấy khen Hợp tác xã gốm đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2006 - 2020 trên địa bàn xã Gia Thủy, huyện Nho Quan; Chứng nhận đạt giải khuyến khích cuộc thi mẫu sản phẩm thủ công mỹ nghệ tỉnh Ninh Bình năm 2023. Đặc biệt năm 2011, sản phẩm bình gốm cắm hoa của hợp tác xã gốm Gia Thủy đạt được giấy chứng nhận OCOP hạng 3 sao. Điều này đã giúp cho gốm Gia Thủy có cơ hội xây dựng được thương hiệu riêng, được công nhận về chất lượng, mẫu mã tạo được niềm tin cho người tiêu dùng, giúp họ dễ dàng phân biệt sản phẩm gốm Gia Thủy với các sản phẩm khác trên thị trường. Việc trở thành sản phẩm OCOP sẽ có cơ hội được trưng bày, bán tại các cửa hàng, sàn thương mại điện tử, hội chợ, triển lãm và có cơ hội xuất khẩu ra nước ngoài. Ngoài ra, làm tăng giá trị sản phẩm, tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân,...

Giai đoạn này mặc dù làng nghề đã có những bước phát triển đáng kể, tuy nhiên để bảo tồn và phát triển làng nghề thì cần phải có sự chung tay giúp đỡ của cả cộng đồng, các tổ chức liên quan và các cấp chính quyền. Việc kết hợp giữa truyền thống và hiện đại; giữa bảo tồn và phát triển, đổi mới, sáng tạo sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho làng nghề gốm Gia Thủy tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Trong tương lai làng nghề gốm Gia Thủy có thể trở thành một điểm đến hấp dẫn

cho các du khách trong nước và quốc tế; góp phần bảo vệ những giá trị truyền thống, đặc trưng của vùng, nâng cao đời sống cho người dân, đóng góp vào kinh tế địa phương.

2.3. Giá trị, vai trò của làng nghề gốm Gia Thủy đối với sự phát triển của địa phương

2.3.1. Giá trị văn hóa làng nghề

**** Giá trị văn hóa làng***

Giá trị văn hóa vật thể

Xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình là một vùng đất giàu truyền thống lịch sử và văn hóa. Nơi đây lưu giữ các di tích lịch sử văn hóa quý giá, gắn với một số nhân vật lịch sử nổi tiếng và những phong tục, tập quán của địa phương như:

Đình Mỹ Hạ là một trong những di tích nổi tiếng của xã Gia Thủy, được xây dựng từ thời Tiền Lê. Đây là nơi thờ vua Đinh Tiên Hoàng và thái hậu Dương Vân Nga. Ngôi đình này là nơi chứng kiến lịch sử đấu tranh giữ nước của nhân dân xã Gia Thủy, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Năm 1884, giặc Pháp phá căn cứ của nghĩa quân Hiệp Đề đã đốt hết đình chùa, nhà dân làng Mỹ Hạ. Năm 1887, dân làng Mỹ Hạ đã xây dựng lại ngôi đình. Sau này dân làng đã chuyển ngôi đền Hạ về đặt lên nền đình cũ để thờ Đinh Bộ Lĩnh, đó chính là ngôi đền hiện nay. Ngoài ra đây cũng là nơi diễn ra các lễ hội truyền thống của người dân địa phương.

Di tích mộ gạch cổ thời kì Bắc thuộc nằm ở thôn Mỹ Hạ, xã Gia Thủy được các nhà khảo cổ học tìm thấy vào năm 2002. Những phát hiện này đã đưa ra những chứng tích cụ thể chứng minh rằng nơi đây từng có một trụ sở có quy mô thời Bắc thuộc với những quan lại cấp cao từng cai trị ở vùng đất này.

Ngoài ra còn một số di tích khác như: đình Ngọc Nhị, đền Long Viên,... Các di tích tại xã Gia Thủy không chỉ là những công trình kiến trúc cổ kính mà còn là những chứng tích lịch sử, phản ánh quá trình hình thành và phát triển của vùng đất này. Đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân Gia Thủy và cũng là những điểm đến hấp dẫn, thu hút khách đến tham quan và

tìm hiểu về lịch sử, văn hóa địa phương.

Giá trị văn hóa phi vật thể

Làng nghề Gốm Gia Thủy không chỉ là nơi sản xuất ra những sản phẩm gốm độc đáo mà còn là một phần không thể thiếu trong đời sống văn hóa của nhân dân địa phương. Những lễ nghi, tín ngưỡng dân gian hay phong tục tập quán, chúng hòa quyện lại với nhau tạo nên một văn hóa rất đặc trưng, một nét đẹp không thể nhầm lẫn. Hầu hết người dân nơi đây đều tin vào tín ngưỡng tôn giáo, thờ cúng tổ tiên, tưởng nhớ các vị thần, các vị anh hùng dân tộc. Đây là một nét văn hóa truyền thống của người dân xã Gia Thủy thể hiện sự kính trọng, lòng biết ơn của con cháu đối với ông bà, tổ tiên, đối với những vị anh hùng. Người dân tin rằng, việc thờ cúng tổ tiên sẽ mang lại may mắn, hạnh phúc, bình an cho gia đình.

“Nhất liệu, nhì nhung, tam hình, tứ trí – đó là câu mà dân làm nghề gốm chúng tôi thuộc nằm lòng” [36]. Người trong làng nghề khi đã xây dựng được thương hiệu rất chú ý đến nguồn nguyên liệu của sản phẩm, cách thức sản xuất kết hợp giữa thủ công và ứng dụng dây truyền hiện đại hỗ trợ sản xuất

Theo tục lệ, trước khi nôi lửa lò gốm bao giờ cũng có lễ khấn bái thổ công và hỏa thần. Để bắt tay nung một lứa gốm đầu tiên trong năm (vào dịp đầu năm) người chủ lò thường chọn ngày đẹp sao cho hợp với “phương tuổi” của mình, người chủ lò sẽ đọc lời cầu nguyện, cầu cho sự phát triển của làng nghề, mong quá trình diễn ra thuận lợi, sản phẩm gốm được tiêu thụ tốt, không gặp sự cố trong quá trình thực hiện, để sản phẩm làm ra đạt chất lượng tốt nhất.

Lễ cúng ông Công, ông Táo của làng nghề Gia Thủy xưa và nay theo thời gian không có sự thay đổi nhiều, những người thợ của làng nghề chuẩn bị những sản phẩm đẹp để dâng cúng cầu cho công việc đầu năm làm ăn thuận lợi, gặp nhiều may mắn.

Nhắc đến các quy trình sản xuất gốm ngày xưa, người ta thường liên tưởng ngay đến những lễ nghi của người dân địa phương. Quá trình này luôn gắn liền với nhau nhằm cầu mong sự bình an. Ngoài ra người thợ rất tôn trọng thiên nhiên, họ chọn những ngày được cho là may mắn, họ quan sát thời tiết kỹ lưỡng

và chọn ngày lành tháng tốt để mong sự khởi đầu công việc được thuận lợi. Trước khi bắt tay vào việc, người thợ thường rửa sạch tay để thể hiện sự tôn trọng đối với nguyên vật liệu và nghề. Trong quá trình chế tác gồm tránh việc nói chuyện và làm những việc khác để những người thợ tập trung toàn bộ công việc của mình, từ đó đảm bảo sản phẩm được tạo ra đạt tới mức độ hoàn hảo nhất.

Nhưng ngày nay thì lễ nghi đã dần bị mai một và đơn giản hóa một cách đáng kể. Sự ra đời của công nghệ hiện đại đã làm thay đổi quy trình sản xuất, những công đoạn thủ công được giảm đi đáng kể. Thay vì những nghi lễ cầu khấn, người thợ gồm bây giờ sẽ tự nhủ bản thân những điều tốt đẹp trước khi bắt tay vào công việc. Hiện nay, do nhu cầu thị trường đặt ra những yêu cầu khá cao nên những người thợ tập trung nhiều vào việc sản xuất hơn bao giờ hết.

Mặc dù có nhiều sự thay đổi theo thời gian, nhưng những người thợ vẫn cố gắng giữ gìn những giá trị truyền thống. Việc bảo tồn và phát triển làng nghề không chỉ là trách nhiệm của người thợ làm gốm mà còn là trách nhiệm của người dân địa phương và toàn xã hội. Qua đó những giá trị văn hóa, kỹ thuật được bảo tồn và phát triển.

*** Giá trị văn hóa nghề**

Làng nghề gốm Gia Thủy không chỉ nổi tiếng bởi những sản phẩm độc đáo với các loại hoa văn tinh xảo mà còn có các sản phẩm mộc mạc, tự nhiên mang đậm nét dân gian phong cảnh làng quê Việt Nam như nồi, niêu, bình gốm được thể hiện qua các bàn tay tỉ mỉ, khéo léo của những người thợ lành nghề nơi đây. Mỗi sản phẩm đều là thành quả của cả một quá trình sản xuất phức tạp, là sự miệt mài, sáng tạo, mồ hôi, công sức của mỗi người thợ. Gốm Gia Thủy mộc mạc mang đậm chất dấu ấn vùng miền, không bóng bẩy nổi bật như gốm Bát Tràng hay gốm Bô Bát. Nếu các sản phẩm gốm Bát Tràng thường được sử dụng trong các cung đình, các lễ nghi và đời sống hàng ngày của người dân, thì gốm Gia Thủy mang đậm nét văn hóa của vùng đồng bằng Bắc Bộ, với những sản phẩm mộc mạc, giản dị, gần gũi với đời sống nông dân với những màu sắc tự nhiên, hài hòa. Kỹ thuật sản xuất gốm Gia Thủy vẫn giữ được nhiều nét truyền

thống với các công đoạn làm thủ công tạo cảm giác ấm cúng, truyền thống. Chính vì vậy mà gốm Gia Thủy tạo nên sự khác biệt như: về cách làm, nhiều công đoạn tỉ mỉ, công phu và nguồn nguyên liệu độc đáo rất riêng.

Các sản phẩm của làng nghề đều được làm từ nguyên liệu đất sét địa phương, loại đất này có màu nâu vàng, độ dẻo cao, mịn và khả năng chịu được nhiệt độ tốt, rất thích hợp để tạo hình, góp phần tạo nên nét đặc trưng riêng của gốm Gia Thủy. Đất sét được lấy từ lòng sông Hoàng Long, đất sau khi được lấy về sẽ được bỏ cặn và phơi ráo, làm cho đất dẻo thì mới tạo được hình. Công đoạn này phần lớn được thực hiện thủ công, đòi hỏi người thợ phải có sự tỉ mỉ, giàu kinh nghiệm. Đây là khâu khởi đầu, đặt nền móng cho quá trình tạo ra sản phẩm. Chất lượng đất sẽ có ảnh hưởng lớn đến độ bền, màu sắc và tính thẩm mỹ của sản phẩm.

Trong quá trình phơi đất và tạo ra sản phẩm rất cần những người thợ có kỹ thuật tốt, tay nghề cao để đảm bảo cho đất đạt chất lượng cao nhất, để đất không bị quá khô hay quá ướt vì việc này rất khó cho khâu tạo ra sản phẩm như mong muốn.

- Tạo hình sản phẩm

Trong quá trình tạo nên những sản phẩm độc đáo của gốm Gia Thủy không thể bỏ qua công đoạn quan trọng đó là tạo hình sản phẩm. Thông thường để làm ra những chiếc chum, vại thì người thợ phải nặn đất ra những thớ dài và tròn ghép lại với nhau, khi kết hợp với nhau phải thật kín, tránh sản phẩm sau khi làm ra bị hở. Người thợ gốm Gia Thủy sẽ sử dụng nhiều kỹ thuật tạo hình khác nhau, mỗi sản phẩm đều được tạo hình thủ công, mang dấu ấn cá nhân của mỗi người thợ và nét đặc trưng riêng của vùng. Hoa văn trang trí trên các sản phẩm mang đậm nét dân gian với những hình ảnh quen thuộc như: hoa sen, hoa cúc, cá chép,... Mỗi hình ảnh có những ý nghĩa riêng thể hiện sự tài hoa của mỗi người thợ. Những năm gần đây, để đáp ứng được nhu cầu của thị trường ngày càng tăng mang tính chất nghệ thuật, mỗi người thợ đã học thêm những kỹ thuật tạo hình phức tạp hơn như hoa văn, hay phong cảnh quê hương. Ngoài ra họ cần

phải tham gia hội chợ để giao lưu, học hỏi, đúc kết thêm kinh nghiệm để bảo đảm chất lượng.

- Phơi sản phẩm

Các sản phẩm sẽ được phơi khô tự nhiên ở nơi thoáng gió, có nắng nhẹ để giảm độ ẩm, giúp cho sản phẩm không bị nứt vỡ trong quá trình nung.

- Khâu nung sản phẩm

Sau khi tạo hình, việc đưa sản phẩm vào lò nung cũng nắm vai trò rất quan trọng, quyết định. Lò nung gốm Gia Thủy được xây dựng bằng gạch, sử dụng củi để đốt. Nhiệt độ và thời gian nung được người thợ kiểm soát chặt chẽ, nhiệt độ phù hợp để tạo ra sản phẩm đẹp, không bị cong hoặc vênh vừa đủ chín, vừa đều màu lại còn chất lượng.

Khâu nung là thường chỉ do một số thợ chuyên trách đảm nhận. Đây chính là công đoạn quyết định sản phẩm gốm có đạt chất lượng hay không. Trung bình thời gian để nung hoàn chỉnh và tạo ra một lượt sản phẩm khoảng 30 giờ. Trong điều kiện “củi tốt, lửa đẹp” thì thời gian cho mỗi lượt nung có thể ít hơn. Những việc làm trên đòi hỏi kinh nghiệm và sự nhanh nhạy của người thợ. Mỗi ca đốt lò cần có ít nhất ba người, một thợ chính và hai thợ phụ. Khi người thợ chính cho rằng sản phẩm đã chín đủ thì các cửa lò được bít lại để ủ sao cho nhiệt độ hạ dần, ít nhất là sau 24 giờ mới có thể ra lò sản phẩm. Khâu này đòi hỏi những người thợ nung gốm phải dày dặn kinh nghiệm, nhạy bén để điều chỉnh lửa to hay nhỏ sao cho phù hợp, nhận biết khi nào gốm đã chín tới. Bởi vậy, khi làm ra một sản phẩm đòi hỏi người thợ cần có kinh nghiệm, sự kiên trì với nghề, đặc biệt phải hết sức, hết lòng với nghề.

Tất cả các quy trình trên đòi hỏi người thợ phải tỉ mỉ, kiên trì và giúp đỡ lẫn nhau để tạo ra những sản phẩm gốm không chỉ phục vụ cho đời sống mà chúng còn tôn vinh lên những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam với chất lượng tốt nhất.

2.3.2. Vai trò của làng nghề gốm Gia Thủy đối với sự phát triển của địa phương

Làng nghề gốm Gia Thủy nằm tọa lạc tại xã Gia Thủy, thuộc huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Làng nghề sở hữu bề dày lịch sử hình thành và phát triển có tuổi đời hơn 60 năm với những sản phẩm mang đậm bản sắc văn hóa, nét đặc trưng của địa phương. Dù đã trải qua nhiều biến cố, thăng trầm, làng nghề gốm Gia Thủy vẫn kiên trì và phát triển. Đây không chỉ đơn thuần là nơi sản xuất đồ gốm mà còn là nơi lưu giữ những giá trị, văn hóa làng nghề, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương, tạo công ăn việc làm cho người dân lao động tại địa phương và ở một số tỉnh lân cận. Hiện nay, làng nghề ngày càng phát triển, trở thành một trong những làng nghề gốm danh tiếng tại Việt Nam.

Đối với kinh tế, xã hội, xây dựng nông thôn mới hiện nay

Làng gốm Gia Thủy có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế của địa phương một cách đáng kể. Nghề làm gốm ở đây đã mở ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân, từ đó góp phần cải thiện điều kiện sống và tăng nguồn thu nhập ổn định. Không chỉ vậy, các sản phẩm gốm tinh xảo và độc đáo từ Gia Thủy đã vươn ra thị trường quốc tế, xuất khẩu đến nhiều quốc gia. Điều này không chỉ đóng góp tích cực vào việc quảng bá văn hóa và hình ảnh đất nước mà còn đem lại nguồn ngoại tệ quan trọng, góp phần phát triển nền kinh tế quốc gia.

Theo ông Trịnh Đình Dũng – Giám đốc HTX gốm Gia Thủy cho biết, mỗi năm cho ra lò hàng nghìn sản phẩm như chum, vại, sành, ấm, chén,... Vào những ngày gần tết, khách từ bốn phương đổ về đây tìm mua và đặt làm rất nhiều.

“Mỗi tháng HTX gốm Gia Thủy sản xuất từ 15-20 đơn hàng lớn, cung cấp ra thị trường từ 500-700 sản phẩm, tương đương với 70.000-80.000 sản phẩm/ năm. Gốm ra lò đến đâu được tiêu thụ đến đấy, đem lại doanh thu từ 700-800 triệu đồng/ tháng” [36]. HTX vừa bán buôn, vừa bán lẻ ngay tại sơ cơ, thị trường tiêu thụ ở cả trong và ngoài nước, đặc biệt đã chinh phục được một số thị trường khó tính với yêu cầu cao về chất lượng và mặt kỹ thuật, thẩm mỹ như: Thái Lan, Campuchia, Lào,...

Gốm Gia Thủy, với bề dày truyền thống cùng những sản phẩm gốm sứ độc đáo và đầy sáng tạo, đã khẳng định vị thế của mình như một điểm đến hấp dẫn với du khách nội địa lẫn quốc tế. Tại đây, du khách có thể thăm quan các xưởng

sản xuất gốm và khám phá phương pháp chế tác độc đáo của nghề. Họ còn có cơ hội tự tay thử làm những sản phẩm gốm. Những hoạt động này không chỉ giúp quảng bá nghệ thuật làm gốm mà còn góp phần thúc đẩy ngành du lịch, từ đó hỗ trợ phát triển kinh tế của địa phương.

Phát triển khu vực NTM nhằm thúc đẩy sản xuất theo xu hướng hiện đại, tạo điều kiện cho người dân kết nối với các thị trường lớn hơn

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do biến động kinh tế thị trường, nhưng làng nghề gốm luôn tìm hướng đi phù hợp để duy trì và phát triển theo hướng bền vững, góp phần phát triển kinh tế địa phương và tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân.

Một trong những mục tiêu thiết yếu trong quá trình phát triển NTM chính là việc tăng cường thu nhập cũng như cải thiện chất lượng cuộc sống cho toàn thể cư dân trong khu vực. Nhờ đó, tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng giảm đi rõ rệt, đồng thời mức thu nhập bình quân đầu người không ngừng gia tăng. Những tiến bộ này đóng góp trực tiếp và hiệu quả vào việc hoàn thành các tiêu chuẩn về thu nhập, vốn là một phần không thể thiếu của chương trình xây dựng NTM.

Làng nghề gốm Gia Thủy không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế phát triển mà còn tham gia tích cực vào nhiều mặt chương trình xây dựng NTM. Điều này không chỉ cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân mà còn thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ, bền vững của địa phương.

Đối với văn hóa

Kế thừa những tinh hoa của nghệ thuật tạo hình, nét đặc trưng nền văn hóa của một vùng đất, những người thợ làng gốm Gia Thủy đã biết tạo ra những sản phẩm gốm không chỉ phục vụ cho cuộc sống đời thường mà còn tôn vinh giá trị văn hóa độc đáo của dân tộc mình.

Mỗi tác phẩm gốm xuất xưởng đều là tình yêu và sự nỗ lực của người thợ trong việc bảo tồn và phát triển nghề truyền thống của địa phương. Điều đó không chỉ mang lại giá trị tinh thần vô giá mà còn góp phần giữ gìn truyền thống lâu đời cho một làng nghề, luôn hướng tới cái đẹp, tạo ra cái đẹp cho đời sống con người.

Làng nghề gốm Gia Thủy là một trong những nơi lưu giữ và phát triển phong phú của nghệ thuật làm gốm truyền thống Việt Nam. Tại đây, quy trình sản xuất gốm được thực hiện thủ công với sự tỉ mỉ và kỹ lưỡng, bắt đầu từ bước lựa chọn nguyên liệu đất sét chất lượng cao. Sau đó, nghệ nhân tạo hình sản phẩm bằng đôi tay khéo léo, mỗi chi tiết đều được chăm chút cẩn thận. Kỹ thuật nung gốm đặc trưng, vốn là niềm tự hào của làng nghề, được truyền lại và gìn giữ qua bao thế hệ. Những sản phẩm gốm tinh xảo không chỉ phản ánh tài hoa của người thợ mà còn lưu giữ hồn cốt văn hóa của một truyền thống lâu đời.

Quy trình sản xuất thủ công, từ việc chọn nguyên liệu đất sét, tạo hình bằng tay đến kỹ thuật nung gốm đặc trưng được làm bằng tay đã được duy trì qua nhiều thế hệ. Để duy trì và phát triển nghề gốm truyền thống, việc đẩy mạnh giáo dục và đào tạo cho thế hệ trẻ về các bí quyết, các kỹ thuật là cần thiết. Nhưng hiện nay việc duy trì cho thế hệ trẻ là một việc vô cùng khó khăn, bởi lớp trẻ ngày nay ít quan tâm đến nghề gốm, dẫn đến các làng nghề, nghề truyền thống có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

Theo Phó Giám Đốc: Bùi Mạnh Hùng, HTX gốm Gia thủy: “Gốm Gia Thủy đã trải qua bao thăng trầm và biến động thị trường. Để giữ gìn, duy trì nghề cho đến ngày nay là nhờ sự nỗ lực lớn của bà con, nhất là những thợ làm nghề. Có người cha truyền con nối, có người gần như đã gắn bó cả cuộc đời với bàn xoay, cặm cụi, cần mẫn suốt mấy chục năm, đôi bàn tay lúc nào cũng lấm lem bùn đất. Người “non tay” nhất cũng gần 10 năm tuổi nghề”.

Sản phẩm vật dụng hằng ngày như tượng thờ, bình hương không chỉ để trưng bày, trang trí mà nó còn mang giá trị tâm linh và tín ngưỡng của văn hóa Việt Nam. Những sản phẩm này thường được sử dụng trong các không gian thờ cúng, hay các nghi lễ, để thể hiện sự tôn trọng đối với tổ tiên.

Làng nghề gốm Gia Thủy giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong việc bảo tồn cũng như phát huy những giá trị văn hóa truyền thống độc đáo. Chính sự hiện diện của làng nghề này đã tạo ra một cầu nối vững chắc giữa quá khứ và hiện tại, giúp thế hệ trẻ hiểu sâu hơn về di sản quý giá của tổ tiên. Qua đó, làng

nghề không chỉ góp phần duy trì và làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc đa dạng mà còn đóng một vai trò thiết yếu trong quá trình xây dựng NTM.

2.4. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề gốm Gia Thủy

2.4.1. Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và cộng đồng dân cư

Các ngành nghề, làng nghề truyền thống là tài sản quý giá của đất nước cần được bảo tồn và phát triển qua các thế hệ. Điều đó không chỉ mang ý nghĩa kinh tế mà còn được thể hiện qua nền văn hóa, văn minh độc đáo của dân tộc Việt Nam. Trong quá trình CNH - HĐH, làng nghề có vai trò to lớn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Những năm qua, nền kinh tế luôn gặp phải những thăng trầm do biến đổi những cơ chế quản lý cũ sang cơ chế thị trường đã tạo ra bước ngoặt lớn cho sự thúc đẩy phát triển sản xuất các làng nghề, cho thấy được những tiềm năng lớn và huy động vào phát triển sản xuất. Nhằm mở rộng quy mô sản xuất, ngày càng sáng tạo ra nhiều sản phẩm phong phú hấp dẫn đối với thị trường trong và ngoài nước và đặc biệt là xuất khẩu ra nước ngoài.

Làng nghề đang được nhiều sự quan tâm, tuy nhiên mỗi năm đóng góp của làng nghề vào trong nền kinh tế quốc dân chưa được khả quan nhiều. Vấn đề thấy rõ nhất ở làng nghề hiện nay là còn một số làng nghề đang bị mai một dần do đang phải đứng trước những thách thức khó khăn về nguồn vốn và năng lực quản lý của doanh nghiệp, các trang thiết bị vận hành sản xuất, tay nghề người lao động,... Vì vậy cần phải đưa ra phương hướng giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề trong thời gian tới, hướng đến khôi phục và duy trì những làng nghề truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Đề ra các chính sách đầu tư, phát triển những làng nghề sản xuất các sản phẩm tiêu dùng hiện nay đang có nhu cầu lớn, cung cấp cho các thị trường ở nước ngoài như: EU, Mỹ, Nhật Bản,... Ngoài ra, cần chú trọng trong việc bảo tồn các kỹ thuật truyền thống mang đậm nét tinh xảo, độc đáo của các những người thợ lâu đời và có sự kết hợp của thế hệ ngày nay với các yếu tố hiện đại để phù hợp với đa dạng các nhóm khách hàng tiêu dùng.

Các chính sách và giải pháp khuyến khích, hỗ trợ, giúp đỡ, tạo môi trường thuận lợi cho sự khôi phục và hình thành của các làng nghề cũ và mới đều có cơ hội phát triển ở thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Đặc biệt, các chính sách và biện pháp hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ, chính sách và giải pháp hỗ trợ tạo lập và tăng cường vốn, thúc đẩy các doanh nghiệp lớn với các doanh nghiệp nhỏ. Đưa ra những chính sách phù hợp với từng doanh nghiệp, tư vấn hỗ trợ đào tạo các doanh nghiệp nhỏ, định hướng mở rộng phát triển phù hợp với làng nghề của từng HTX.

2.4.2. Nâng cao sáng tạo công nghệ sản xuất, phát triển thị trường

Làng nghề gốm Gia Thủy, với bề dày truyền thống và sản phẩm độc đáo, hiện nay đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Để tăng tính cạnh tranh và mở rộng thị trường hiện nay cần:

Sản xuất gốm với kỹ thuật sản xuất thủ công tinh xảo qua những đôi bàn tay khéo léo của những người thợ lâu năm. Đó là trước đây khi chưa có máy móc hiện đại, nhờ có sự tác động tích cực của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đã có những thay đổi tiên bộ. Đối với các làng nghề nói riêng, đầu tư vào công nghệ máy móc tự động cho các giai đoạn sản xuất chủ chốt như nghiền đất, tạo hình sản phẩm, và quá trình nung để không chỉ tăng cường năng suất mà còn giảm thiểu chi phí lao động. Điều này đảm bảo sản phẩm có chất lượng đồng nhất và ổn định hơn. Ngoài ra, việc tích hợp thiết bị tự động phát hiện lỗi sớm trong chuỗi sản xuất rất quan trọng, giúp đảm bảo rằng mỗi sản phẩm hoàn thiện đều đạt tiêu chuẩn cao nhất.

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường, việc sử dụng phần mềm thiết kế ba chiều để phát triển những mẫu mã mới mẻ và độc đáo là cần thiết. Nghiên cứu sâu rộng về các loại đất sét khác nhau cũng có thể nâng cao màu sắc, độ bền và tính thẩm mỹ của các sản phẩm gốm. Hơn nữa, việc kết hợp đất sét với các vật liệu khác như: thủy tinh hay kim loại có thể đem lại những sản phẩm độc đáo và có giá trị cao.

Bên cạnh việc duy trì sản xuất các sản phẩm truyền thống như nôi, chum và vại nên mở rộng thêm danh mục các mặt hàng trang trí, các sản phẩm gia dụng

và đồ lưu niệm. Việc phát triển những thiết kế độc đáo, thể hiện đậm nét bản sắc văn hóa Việt Nam, sẽ giúp thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng hiện đại.

Việc tạo dựng hình ảnh nhãn hiệu cho các làng nghề gồm thông qua đăng ký nhãn hiệu là bước đầu tiên và quan trọng để bảo vệ tài sản trí tuệ của doanh nghiệp. Sau đó, cần phát triển một hình ảnh thương hiệu chuyên nghiệp, có sức hấp dẫn và khả năng phân biệt rõ ràng trong môi trường cạnh tranh gay gắt trên thị trường.

Triển khai các hoạt động buôn bán trực tuyến một cách chi tiết và chiến lược: Đầu tiên, cần tối ưu hóa việc sử dụng các nền tảng trực tuyến có sức ảnh hưởng lớn như trang chủ công ty và các trang mạng xã hội phổ biến, luôn đảm bảo những nội dung truyền tải phải hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Điều này không chỉ giúp sản phẩm và dịch vụ của công ty được quảng bá rộng rãi hơn mà còn gia tăng khả năng tiếp cận khách hàng tiềm năng một cách hiệu quả. Sử dụng mạnh mẽ các kênh này sẽ giúp tối ưu chi phí trong khi vẫn đạt được kết quả cao, đồng thời tạo dựng thêm sự trung thành từ phía người dùng thông qua sự tương tác thường xuyên và cá nhân hóa trải nghiệm cho họ.

Đưa các sản phẩm gốm mang nét đặc trưng truyền thống của làng nghề gốm Gia Thủy vào tham gia vào các sự kiện, hội chợ và triển lãm bao gồm cả trong nước và quốc tế, mang lại cơ hội cho doanh nghiệp nhằm giới thiệu sản phẩm một cách rộng rãi tới đông đảo khách hàng và đối tác tiềm năng. Những sự kiện này không chỉ giúp gia tăng mức độ nhận biết về thương hiệu mà còn tạo ra những điều kiện thuận lợi để thiết lập và củng cố mối quan hệ kinh doanh quan trọng. Thông qua việc tham dự, doanh nghiệp có thể mở rộng mạng lưới liên kết, tìm hiểu thị trường, cũng như khám phá những xu hướng mới và cơ hội hợp tác đa dạng. Điều này góp phần tạo ra nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững cho tương lai sau này.

Để mở rộng thị trường một cách hiệu quả, nên tập trung vào việc khám phá và xâm nhập vào các thị trường mới, nơi tiềm năng phát triển được đánh giá cao. Điều này bao gồm việc tiến hành nghiên cứu chuyên sâu về các thành phố lớn cũng như những quốc gia đang có nhu cầu tăng cao đối với sản phẩm thủ công

mỹ nghệ. Thông qua việc phân tích thị trường kỹ càng, doanh nghiệp có thể tìm ra những cơ hội tiềm ẩn, đồng thời phát triển chiến lược tiếp cận phù hợp để đáp ứng nhu cầu của khách hàng mới.

Xây dựng một hệ thống phân phối hiệu quả là một yếu tố then chốt trong việc đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng một cách nhanh chóng và thuận tiện. Để thực hiện điều này, cần phát triển một mạng lưới phân phối rộng rãi, bao phủ nhiều khu vực các thành phố xung quanh, thông qua việc thiết lập các cửa hàng bán lẻ có mặt ở nhiều vị trí chiến lược. Bên cạnh đó, việc sử dụng và mở rộng kênh bán hàng trực tuyến cũng là một phần không thể thiếu, giúp tiếp cận tới đa khách hàng tiềm năng và đáp ứng nhu cầu mua sắm mọi lúc, mọi nơi. Việc kết hợp giữa bán lẻ truyền thống và thương mại điện tử hiện đại sẽ giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng và tối ưu hóa quy trình phân phối sản phẩm ra thị trường.

Ngoài ra nên sản xuất các sản phẩm gồm cao cấp nhằm phục vụ nhu cầu của phân khúc khách hàng có thu nhập cao, những người tìm kiếm sự độc đáo và tinh tế trong từng thiết kế. Điều này cần người thợ thủ công chuyên nghiệp nhằm chú trọng vào việc kết hợp các kỹ thuật thủ công truyền thống với công nghệ hiện đại để tạo ra những món đồ không chỉ đẹp mắt mà còn bền vững theo thời gian. Mỗi sản phẩm đều thể hiện sự tỉ mỉ trong từng chi tiết, từ kiểu dáng, màu sắc đến chất lượng, nhằm mang lại cho khách hàng một trải nghiệm sang trọng và đầy ý nghĩa. Khách hàng có thể dễ dàng tìm thấy sự hài lòng khi sở hữu những vật phẩm gồm nghệ thuật mang đậm dấu ấn cá nhân và thẩm mỹ vượt trội này.

Việc nâng cấp cơ sở hạ tầng là vô cùng cần thiết nhằm mang lại nhiều lợi ích thực tiễn cho cộng đồng cũng như các hoạt động kinh tế trong khu vực. Trước tiên, cải thiện hệ thống giao thông đóng vai trò chủ chốt trong việc tối ưu hóa việc vận chuyển hàng hóa và lưu thông sản phẩm, giúp đẩy mạnh tốc độ phát triển sản xuất và mở rộng thị trường kinh doanh. Bên cạnh đó, việc đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng cung cấp điện nước cũng trực tiếp góp phần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp và làng nghề nói chung sẽ hoạt

động hiệu quả hơn. Tóm lại, đầu tư vào cơ sở hạ tầng sẽ mang lại sự phát triển bền vững và tạo ra nhiều cơ hội mới cho sản xuất và kinh doanh, thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế tiến xa hơn trong tương lai.

2.4.3. Gắn bảo tồn và phát huy văn hóa làng nghề với phát triển du lịch

Thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa là một quá trình quan trọng và đa diện, bao gồm nhiều hoạt động và nỗ lực từ cộng đồng địa phương. Trong đó, việc tổ chức các lễ hội truyền thống giữ vai trò then chốt. Bằng cách tái hiện và làm sống dậy các lễ hội đã gắn bó từ lâu với đời sống văn hóa của làng, không chỉ tạo ra bầu không khí vui tươi, sôi động cho cư dân mà còn có khả năng thu hút một lượng lớn khách du lịch đến thăm quan và trải nghiệm.

Song song với việc tổ chức lễ hội, việc xây dựng bảo tàng làng nghề cũng đóng góp quan trọng vào việc bảo tồn di sản văn hóa. Những bảo tàng này không chỉ là nơi lưu giữ và trưng bày các sản phẩm gốm cổ và công cụ lao động truyền thống mà còn hoạt động như một trung tâm giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển của làng nghề đến với công chúng. Đây chính là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giúp mọi người hiểu rõ hơn về giá trị mà thế hệ trước đã xây dựng.

Bên cạnh đó, việc truyền dạy nghề truyền thống cho thế hệ trẻ chính là cách thức đảm bảo sự kế thừa và phát triển bền vững cho làng nghề. Tổ chức những lớp học chuyên sâu về các kỹ thuật và bí quyết nghề nghiệp mà chỉ có kinh nghiệm qua thời gian mới đúc kết được sẽ góp phần giữ lửa đam mê, đồng thời kích thích tư duy sáng tạo của các thế hệ tương lai, đảm bảo rằng giá trị văn hóa truyền thống tiếp tục được phát huy và lan tỏa rộng rãi.

Trong việc mở rộng và phát triển các sản phẩm du lịch, một giải pháp đáng chú ý là tổ chức những đoàn khách du lịch thăm quan làng nghề gốm, nơi du khách có thể tận mắt chứng kiến quy trình tinh xảo tạo ra những sản phẩm gốm độc đáo và được tận tay trải nghiệm làm các sản phẩm gốm. Bên cạnh đó, những chuyến tham quan còn có thể dẫn dắt du khách khám phá những di tích lịch sử mang đậm dấu ấn văn hóa bản địa, giúp họ hiểu hơn về bề dày lịch sử và phong tục tập quán từng vùng miền. Để kết thúc hành trình một cách trọn vẹn, du

khách sẽ được thưởng thức các món ăn đậm đà hương vị địa phương, tăng thêm phần thú vị và đầy đủ cho chuyến đi.

Phát triển và giới thiệu các sản phẩm lưu niệm độc đáo không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch mà còn góp phần quảng bá các giá trị văn hóa đặc sắc của làng nghề gốm. Những sản phẩm này có thể bao gồm móc khóa tinh xảo, nam châm được thiết kế tỉ mỉ, tượng nhỏ được chế tác nghệ thuật, tất cả đều mang những hình ảnh đặc trưng và sinh động gợi nhớ về làng nghề. Bằng cách này, mỗi sản phẩm lưu niệm không chỉ đơn thuần là một món đồ trang trí mà còn trở thành cầu nối giúp người dùng trải nghiệm và khám phá nét đẹp văn hóa.

Thiết kế các gói quà tặng độc đáo và tinh tế dành riêng cho du khách, trong đó bao gồm các sản phẩm gốm sứ truyền thống tinh xảo, cùng với những đặc sản nổi tiếng của địa phương. Ngoài ra, đi kèm là các tài liệu chi tiết giới thiệu về văn hóa và lịch sử của làng nghề, giúp khách tham quan có cái nhìn sâu sắc hơn về nét đặc trưng của vùng đất Gia Thủy này hơn.

Mỗi năm, địa phương nên tổ chức một lễ hội gốm nhằm tôn vinh nét đẹp và giá trị của làng nghề. Sự kiện này không chỉ bao gồm các hoạt động triển lãm đa dạng các sản phẩm gốm sứ từ cổ điển đến hiện đại, mà còn có những buổi biểu diễn nghệ thuật đặc sắc, nơi nghệ nhân biểu diễn kỹ thuật chế tác công phu trước công chúng. Bên cạnh đó, lễ hội cũng là dịp để những người tham gia thử sức với những cuộc thi làm gốm đầy sáng tạo và hấp dẫn. Du khách còn có cơ hội thưởng thức hương vị ẩm thực phong phú, mang đậm dấu ấn văn hóa địa phương, giúp tăng thêm trải nghiệm thú vị cho tất cả mọi người tham gia.

2.4.4. Bảo vệ môi trường

Việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đặc biệt là ở các làng nghề gốm và những khu vực địa phương liên quan, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc duy trì sự cân bằng sinh thái cũng như phát triển bền vững. Trong số các biện pháp cần thiết, việc xử lý nước thải chiếm một vị trí không thể bỏ qua. Hệ thống xử lý nước thải nên được xây dựng và triển khai một cách hiệu quả, đảm bảo rằng mọi loại nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất và sinh hoạt đều được xử lý đúng quy chuẩn trước khi thải ra môi trường tự nhiên. Điều này

không chỉ giúp giảm thiểu ô nhiễm mà còn góp phần bảo vệ nguồn nước sạch và môi trường sống xung quanh khỏi tác động tiêu cực.

Sản xuất trong các làng nghề đem lại hiệu quả kinh tế cao, song mặt khác của nó còn gây ra ô nhiễm môi trường rất lớn. Do vấn đề hiện nay, về điều kiện vốn và các kỹ thuật trong sản xuất thiếu quy hoạch tổng thể. Hầu hết các doanh nghiệp đã không đầu tư vào xử lý chất thải, làm cho môi trường xung quanh khu dân cư ô nhiễm. Việc nâng cao quản lý chất thải rắn trong làng nghề gốm Gia Thủy đòi hỏi phải áp dụng các phương pháp thu gom và xử lý rác thải một cách khoa học và hiệu quả. Điều này bao gồm việc triển khai các quy trình phân loại rõ ràng giữa rác thải hữu cơ và vô cơ. Việc phân loại không chỉ giúp tối ưu hóa việc xử lý mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động tái chế sau này. Đặc biệt, việc tái chế không chỉ mang lại lợi ích về mặt môi trường mà còn mở ra các cơ hội kinh tế cho cộng đồng địa phương thông qua việc tận dụng nguồn tài nguyên đã qua sử dụng, từ đó đóng góp vào sự phát triển bền vững của làng nghề gốm Gia Thủy.

Ở các làng nghề hiện nay việc môi trường nước luôn trong tình trạng bị ô nhiễm, khiến cho các sinh vật dưới nước không thể sinh sống được, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân luôn bị đe dọa gặp phải các vấn đề về bệnh ngoài da, đau mắt, đường tiêu hóa,...Xuất phát từ các nguồn nước ở ao, hồ, mương được dùng để ngâm rửa nguyên liệu trước khi sản xuất. Hầu hết các làng nghề đều chưa có hệ thống thoát nước, hệ thống thu gom xử lý rác thải.

Ô nhiễm trong không khí ở các làng nghề thể hiện qua các dạng ô nhiễm bụi, mùi, nhiệt độ, và tiếng ồn. Khi sản xuất gốm có lượng bụi lớn hơn nhiều so với các làng nghề khác ảnh hưởng tới sức khỏe của con người. Để giảm thiểu lượng bụi phát sinh từ các làng nghề gốm, chúng ta cần áp dụng một số biện pháp hiệu quả kết hợp cả công nghệ và tự nhiên. Việc sử dụng các thiết bị lọc bụi hiện đại là rất quan trọng, vì những thiết bị này có khả năng hút và loại bỏ các hạt bụi nhỏ li ti phát sinh trong suốt quá trình sản xuất gốm sứ. Bên cạnh đó, việc trồng nhiều cây xanh xung quanh khu vực sản xuất không chỉ tạo ra cảnh quan xanh mát mà còn đóng vai trò như một bộ lọc tự nhiên. Những cây này có khả năng

hấp thụ bụi bẩn từ không khí, cải thiện chất lượng không khí và mang lại môi trường làm việc trong lành hơn cho các nghệ nhân và công nhân tại đây. Sự kết hợp đồng bộ giữa công nghệ lọc bụi và thiên nhiên sẽ góp phần tạo nên một không gian sản xuất an toàn và bền vững hơn.

Ô nhiễm không khí do khói và nhiệt độ của nghề gốm sứ trong quá trình sản xuất. Lò nghề gốm ô nhiễm nhiệt độ thể hiện ở việc tăng nhiệt độ trong không khí, khí độc hại sẽ bao phủ khu xung quanh và nhiệt độ ở địa bàn cũng cao hơn so với các vùng khác.

Nguồn tài nguyên đất phục vụ cho sản xuất gốm, con người khai thác lớn. Vì vậy, sản xuất có phát triển tích cực mang lại nhiều giá trị và nâng cao mức sống cho người lao động nhưng làm cho nguồn tài nguyên đất bị suy giảm dần. Ngoài ra, còn bị ảnh hưởng bởi các hóa chất khi sản xuất gốm, do các chất thải không được xử lý và thấm vào đất làm thay đổi chất lượng của đất. Ảnh hưởng tới sự phát triển các cây cối và môi trường sinh thái.

Việc tiết kiệm năng lượng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và giảm chi phí vận hành. Để đạt được mục tiêu này, việc sử dụng các lò nung tiết kiệm năng lượng là một trong những biện pháp hiệu quả hàng đầu. Những lò nung này được thiết kế để tối ưu hóa việc sử dụng nhiệt, giảm thiểu sự lãng phí nhiệt lượng không cần thiết và nhờ đó giảm đáng kể lượng nhiên liệu cần thiết. Bên cạnh đó, việc áp dụng các công nghệ tiên tiến nhất vào quy trình sản xuất cũng là điều cần thiết. Các công nghệ mới này không chỉ giúp giảm mức tiêu thụ nhiên liệu mà còn nâng cao hiệu suất hoạt động của hệ thống, góp phần thúc đẩy sự bền vững trong dài hạn. Điều này không chỉ mang lại lợi ích về mặt kinh tế mà còn hỗ trợ trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cho các thế hệ tương lai.

Trong nỗ lực tiết kiệm năng lượng và tối ưu hóa quá trình sản xuất, việc tận dụng các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời và năng lượng gió đã trở thành một giải pháp quan trọng. Điều này không chỉ giúp giảm đáng kể chi phí trong hoạt động sản xuất mà còn đóng góp một vai trò to lớn trong việc bảo vệ môi trường. Đặc biệt, khi áp dụng vào quy trình sản xuất gốm các nguồn

năng lượng thân thiện với môi trường này có thể giúp giảm lượng khí thải và các tác động tiêu cực khác đến hệ sinh thái. Bằng cách sử dụng năng lượng sạch và bền vững, ngành sản xuất gốm có cơ hội tiến tới một phương thức sản xuất vừa hiệu quả về mặt kinh tế, vừa có trách nhiệm đối với môi trường.

2.4.5. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua – khen thưởng

Để đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong quá trình đánh giá thi đua khen thưởng dành cho làng nghề gốm Gia Thủy, cần thực hiện một quy trình kiểm tra kỹ lưỡng các tiêu chí và chỉ tiêu đang được áp dụng. Trước hết, cần rà soát toàn bộ các tiêu chí hiện có để đảm bảo rằng chúng đầy đủ, bao quát và phản ánh chính xác sự phát triển cũng như những đóng góp của làng nghề. Việc này bao gồm việc xem xét tính khả thi và hợp lý của từng chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo chúng phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu phát triển bền vững. Ngoài ra, cần thiết lập cơ chế giám sát thường xuyên và liên tục để đánh giá hiệu quả thực hiện, cũng như mở rộng đối tượng tham gia góp ý, từ đó đảm bảo rằng các tiêu chí luôn phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Đồng thời, việc tập huấn và nâng cao năng lực cho đội ngũ phụ trách việc đánh giá là vô cùng quan trọng nhằm đảm bảo tính công bằng và chính xác trong công tác thi đua khen thưởng.

Nhằm nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện các hoạt động thi đua và khen thưởng, cần tiến hành một quá trình đánh giá nghiêm túc về những kết quả đã đạt được. Từ kết quả đánh giá này, có thể đề xuất những điều chỉnh cần thiết và phù hợp nhằm cải thiện hơn nữa hiệu quả của những hoạt động này. Bên cạnh đó, cần đặc biệt chú trọng tới việc tăng cường tính minh bạch. Việc tạo ra một quy trình xét duyệt và khen thưởng được thực hiện công khai và minh bạch không chỉ là một yêu cầu cần thiết mà còn là một yếu tố quan trọng giúp duy trì sự tin tưởng và công bằng cho làng nghề gốm Gia Thủy, huyện Nho Quan.

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2, đề tài đã khái quát về sự ra đời của xã Gia Thủy, quá trình phát triển của làng nghề gốm Gia Thủy từ năm 2007 - 2023, qua đó thấy được giá trị, vai trò của làng nghề đối với sự phát triển của địa phương, làng nghề cũng góp phần lưu giữ những giá trị truyền thống văn hoá. Đồng thời, qua việc

tìm hiểu về làng nghề gốm Gia Thủy, từ đó thấy được thực trạng của làng nghề và đưa ra một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề trong giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

1. Làng nghề không còn là một khái niệm xa lạ với thế giới, mà đã trở thành một phần quan trọng trong việc bảo tồn văn hóa, phát triển kinh tế và tạo dựng thương hiệu cho nhiều quốc gia. Những làng nghề truyền thống không chỉ mang giá trị kinh tế mà còn chứa đựng bản sắc văn hóa độc đáo, góp phần vào việc gìn giữ di sản văn hóa phi vật thể. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc bảo tồn và phát triển các làng nghề và làng nghề truyền thống cũng đang được các quốc gia chú trọng nhằm duy trì giá trị văn hóa và tạo ra sinh kế cho người dân.

2. Ninh Bình, với vẻ đẹp thiên nhiên kỳ thú và những di sản văn hóa phong phú, còn là nơi lưu giữ nhiều làng nghề, trong đó có làng gốm Gia Thủy. Làng nghề này không chỉ mang giá trị kinh tế mà còn là biểu tượng của nghệ thuật và văn hóa dân gian, nổi tiếng với các sản phẩm gốm sứ tinh xảo phản ánh tay nghề khéo léo của những người thợ. Tuy nhiên, trong bối cảnh đổi mới hiện nay, làng nghề gốm Gia Thủy đang đối mặt với nhiều thách thức, vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị của làng nghề gốm Gia Thủy trong bối cảnh đổi mới hiện nay là một yêu cầu cấp thiết và khách quan.

3. Để bảo tồn và phát huy giá trị của làng nghề gốm Gia Thủy cần sự góp sức đồng lòng của toàn thể cộng đồng chứ không chỉ là trách nhiệm riêng lẻ của một ngành hay một cấp quản lý nhất định. Mỗi cá nhân, tổ chức và cơ quan đóng một vai trò không thể thiếu trong việc duy trì và phát triển cả về văn hóa lẫn kinh tế đối với làng nghề. Tuy nhiên, điểm mấu chốt cuối cùng vẫn nằm ở xã Gia Thủy, nơi mà sự tham gia của cộng đồng là sự cần thiết để bảo đảm sự phát triển bền vững.

4. Qua quá trình nghiên cứu đã cho thấy nét đặc trưng và những giá trị tiêu biểu của làng nghề gốm Gia Thủy, từ các sản phẩm gốm sứ đẹp mắt đến kỹ thuật làm gốm truyền thống độc đáo, thể hiện tài năng và sự sáng tạo của người dân nơi đây. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra thực trạng hiện nay của làng nghề, bao gồm những thách thức mà nó đang phải đối mặt. Kết quả này góp phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức cộng đồng và khuyến khích sự chung tay của

các bên liên quan trong việc gìn giữ và phát huy giá trị của làng nghề truyền thống này.

5. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của làng nghề gốm Gia Thủy trong giai đoạn hiện nay, cần thực hiện một hệ thống các giải pháp toàn diện và đồng bộ. Dựa trên những đặc điểm riêng có của xã Gia Thủy để đề xuất ra các chính sách đặc thù và chương trình hành động nhằm khôi phục và phát triển các nghề thủ công truyền thống trong toàn tỉnh. Đặc biệt chú trọng vào những chính sách hỗ trợ khôi phục và phát triển các ngành nghề gắn liền với văn hóa địa phương nhằm tối ưu hóa công tác bảo tồn và phát huy giá trị của làng nghề.

KIẾN NGHỊ

Trong thời gian tới, để công tác bảo tồn và phát huy giá trị của làng nghề gốm Gia Thủy đạt kết quả tốt hơn nữa, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau:

Đối với Trung ương

Cần triển khai các chương trình hỗ trợ tài chính và kỹ thuật dành riêng cho làng nghề, đầu tư vào cơ sở hạ tầng và trang thiết bị sản xuất hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm. Cùng với đó, tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật sản xuất gốm truyền thống sẽ giúp cải thiện tay nghề và khuyến khích sáng tạo. Trung ương cũng nên khuyến khích nghiên cứu và phát triển, bảo tồn những kỹ thuật cổ truyền, đồng thời thúc đẩy quảng bá và tiêu thụ sản phẩm qua việc xây dựng thương hiệu và tổ chức các hội chợ, triển lãm. Việc phát triển du lịch cộng đồng gắn với làng nghề sẽ tạo thêm nguồn thu cho người dân và nâng cao nhận thức về giá trị văn hóa của nghề gốm. Đồng thời, cần có các quy định bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững.

Đối với xã Gia Thủy

Cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị văn hóa và lịch sử của nghề gốm thông qua các buổi hội thảo và chương trình giáo dục là rất quan trọng. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động sản xuất và bảo tồn nghề gốm sẽ giúp hình thành ý thức

trách nhiệm. Ngoài ra, tổ chức các chương trình giao lưu giữa nghệ nhân để nâng cao tay nghề và sáng tạo cũng cần được chú trọng. Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và du lịch cũng sẽ tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển.

Đối với người dân trong xã

Người dân trong xã cần nâng cao ý thức gìn giữ nghề truyền thống, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng và chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời, họ cũng nên tích cực quảng bá sản phẩm qua mạng xã hội và chấp hành các quy định bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất. Với sự nỗ lực và phối hợp giữa Trung ương, xã Gia Thủy và người dân, làng nghề gốm sẽ có cơ hội phát triển bền vững, góp phần gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc Việt Nam.

Bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề gốm xã Gia Thủy có tác dụng to lớn trong việc xây dựng tinh thần đoàn kết trong cộng đồng. Các hoạt động sản xuất gốm thường yêu cầu sự hợp tác giữa các nghệ nhân và người dân, từ đó tạo ra sự kết nối chặt chẽ giữa các thành viên trong làng. Mọi người cùng nhau làm việc, chia sẻ kinh nghiệm, giúp nhau vượt qua khó khăn, qua đó thắt chặt mối quan hệ. Việc bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề cũng tạo cơ hội cho người dân tham gia vào các hoạt động truyền thống, nâng cao tinh thần trách nhiệm và niềm tự hào về nghề nghiệp và quê hương. Việc bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề gốm không chỉ là gìn giữ một nghề truyền thống mà còn là cách để xây dựng và củng cố tinh thần đoàn kết trong cộng đồng, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I/ Tiếng Việt:

1. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình (2023), *“Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Bình Tập 1 (1930 – 1975)”*, xuất bản lần 2, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Ban chấp hành Đảng bộ xã Gia Thủy (2013), *“Lịch sử Đảng bộ xã Gia Thủy 1947 - 2010”*, Ninh Bình.
3. Trần Khánh Chương (2004), *“Gốm Việt Nam từ đất nung đến sứ”*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
4. Chính phủ (2007), Nghị định số 19/2007/NĐ-CP *“Về việc thành lập thành phố Ninh Bình thuộc tỉnh Ninh Bình”*, Hà Nội
5. Chính phủ (2018), Nghị định số 52/2018/NĐ-CP *“Về phát triển ngành nghề nông thôn”*, Hà Nội
6. Trần Thị Kim Cúc (2010), *“Làng nghề truyền thống và ý nghĩa đối với vấn đề phát triển du lịch ở Ninh Bình (Nghiên cứu trường hợp tại 3 làng: Kim Sơn, Văn Lâm, Ninh Vân)”*, Khoá luận tốt nghiệp, Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
7. Cục thống kê Ninh Bình (2023), *“Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình năm 2023”*, số 1068/BC-CTK, Ninh Bình.
8. GS.TS Nguyễn Trí Dĩnh (2005), *“Những giải pháp nhằm phát triển làng nghề ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng”*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ của Viện đào tạo công nghệ và quản lý quốc tế, Hà Nội.
9. TS Nguyễn Văn Dung (2009), *“Công nghệ sản xuất gốm sứ”*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
10. Phạm Thị Duyên (2018), *“Bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình”*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý văn hoá, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.
11. Trương Minh Hằng (2017), *“Tổng hợp về nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam”*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

12. Quách Thị Hương (2018), *“Bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề thêu ren Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lu, tỉnh Ninh Bình”*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý văn hoá, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.

13. Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình (2022), Nghị quyết số 32/2022NQ-HĐND *“Quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022 - 2025”*, Phụ biểu số 01, Ninh Bình.

14. Nguyễn Thị Kim Khánh (2010), *“Nho Quan miền đất cổ”*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.

15. GS. Nguyễn Lân (2000), *“Từ điển từ và ngữ Việt - Nam”*, NXB. TP Hồ Chí Minh.

16. TS. Lê Thị Minh Lý (2003), *“Làng nghề và việc bảo tồn các giá trị văn hoá phi vật thể”*, Tạp chí Di sản văn hoá số 4 - 2003.

17. Nguyễn Thị Hồng Lan (2023), *“Phát triển thương hiệu gốm sứ mỹ nghệ Việt Nam”*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Thương Mại, Hà Nội.

18. ThS. Đinh Xuân Nghiêm (2010), *“Một số chính sách chủ yếu phát triển bền vững làng nghề ở Việt Nam”*, Đề tài cấp bộ của Bộ kế hoạch và đầu tư, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Hà Nội.

19. TS. Dương Bá Phương (2001), *“Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa”*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

20. Sở văn hoá và thể thao Ninh Bình (2022), *“Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ ở Ninh Bình”*, NXB Thông tấn, Hà Nội.

21. Tỉnh uỷ Ninh Bình và Viện khoa học xã hội (2010), *“Địa chí Ninh Bình”*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

22. Phan Văn Tú (2011), *“Các giải pháp để phát triển làng nghề ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam”*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng.

23. Thủ tướng chính phủ (2011), Quyết định số 11/2011/QĐ-TTg *“Quyết định về chính sách phát triển ngành mây tre”*, Hà Nội.

24. Thủ tướng chính phủ (2014), Quyết định số 729/QĐ-TTg “*Quyết định về việc công nhận thành phố Ninh Bình là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Ninh Bình*”, Hà Nội.

25. Phạm Thị Thu Thủy (2023), “*Phát huy giá trị các làng nghề Ninh Bình gắn với phát triển du lịch bền vững*”, Tạp chí khoa học trường Đại học Hoa Lư, số 2.

26. UBND tỉnh Tuyên Quang (2007), Quyết định số 04/2007/QĐ-UBND “*Quyết định về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*”, Tuyên Quang.

27. UBND tỉnh Ninh Bình (2021), Quyết định số 1372/QĐ-UBND “*V/v phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng sản phẩm tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Ninh Bình năm 2021*”, Ninh Bình.

28. UBND tỉnh Ninh Bình (2022), Kế hoạch 74/KH-UBND “*Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống gắn với văn hoá, du lịch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025*”, Ninh Bình.

29. UBND huyện Nho Quan (2023), Kế hoạch số 88a/KH-UBND “*Bảo tồn và phát triển làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Nho Quan năm 2023*”, Nho Quan.

30. UBND xã Gia Thủy (2023), Báo cáo: Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

31. UBND tỉnh Ninh Bình (2023), Kế hoạch số 69/KH-UBND “*Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2023*”, Ninh Bình.

32. UBND tỉnh Ninh Bình - Sở văn hoá và thể thao Ninh Bình và Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, (2023), Kỷ yếu hội thảo khoa học: “*Nghề gốm cổ Ninh Bình: Truyền thống và hiện đại*”.

33. Bùi Văn Vượng (2002), “*Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam*”, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.

34. TS. Vũ Văn Viện, “*Mô hình làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch Quảng Ninh thử nghiệm tại làng nghề sản xuất ngư cụ truyền thống Hưng Học*”, Đề tài cấp tỉnh do Trường Đại học Hạ Long chủ trì thực hiện năm 2018 - 2019.

II/ Website:

35. Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam (2019), “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2012 - 2020”,

<https://dangcongsan.vn/tu-lieu-tham-khao-cuoc-thi-trac-nghiem-tim-hieu-90-na-m-lich-su-ve-vang-cua-dang-cong-san-viet-nam/tu-lieu-cuoc-thi/chien-luoc-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-2011-2020-544474.html>, ngày truy cập: 4/10/2024

36. Báo Ninh Bình (2024), “Gốm Gia Thủy – bên bờ của vòng xoay thời gian”,

<https://baoninhbinh.org.vn/emagazine-gom-gia-thuy-ben-bi-cung-vong-xoay-thoi-i-gian/d20240520142947145.htm>, ngày truy cập: 3/10/2024

37. Lê Hải Bình (2012), “Tiến tới kỉ niệm 20 năm tái lập tỉnh Ninh Bình, 5 năm thành lập thành phố Ninh Bình (2007 - 2012)”, Tạp chí Công sản,

<https://tapchiconsan.org.vn/tinh-ninh-binh/-/2018/14966/tien-toi-ky-niem-20-tai-lap-tinh-ninh-binh-%281992-%E2%80%93-2012%29%2C-5-nam-thanh-lap-thanh-pho-ninh-binh-%282007-%E2%80%93-2012%29.aspx>, ngày truy cập: 5/10/2024

38. Công TTĐT tỉnh Ninh Bình (2022), “Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình qua 30 năm tái lập (phần 1)”,

<https://nbtv.vn/tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-tinh-ninh-binh-qua-30-nam-tai-lap-phan-1-34369.html>, ngày truy cập: 3/10/2024

39. Tiến Đạt (2022), “Ảnh hưởng đại dịch Covid 19 đến du lịch Ninh Bình”, Sở thông tin và truyền thông Ninh Bình,

<https://tttt.ninhbinh.gov.vn/du-lich/anh-huong-dai-dich-covid-19-den-nganh-du-lich-ninh-binh-2592.html>, ngày truy cập: 8/10/2024

40. Đinh Hoàng Minh, “Xã Gia Thủy”,

<https://nhoquan.ninhbinh.gov.vn/xa-gia-thuy>, ngày truy cập: 18/05/2024

41. An Nhiên (2023), “Eu là thị trường nhập khẩu lớn thứ 5 của Việt Nam”, Bộ công thương Việt Nam, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiep-dinh-evfta/eu-la-thi-truong-nhap-khau-lon-thu-5-cua-viet-nam.html>, ngày truy cập: 8/10/2024

42. Diệp Kinh Tân (2006), “Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn”, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, <https://hethongphapluat.com/nghi-dinh-66-2006-nd-cp-ve-viec-phat-trien-nganh-nghe-nong-thon.html>, ngày truy cập: 15/05/2024

43. Phạm Tất Thắng (2017), “Một số vấn đề phát triển hợp tác xã trong giai đoạn hiện nay”, Tạp chí Cộng sản, <https://www.tapchicongsan.org.vn/kinh-te/-/2018/48585/mot-so-van-de-phat-trien-hop-tac-xa-trong-giai-doan-hien-nay.aspx>, ngày truy cập: 5/10/2024

44. Tổng cục thống kê (2007), “Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2007”, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2019/05/tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-nam-2007/>, ngày truy cập: 3/10/2024

45. Hải Yến (2016), “Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống gốm Gia Thủy”, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/bao-ton-va-phat-trien-lang-nghe-truyen-thong-gom-gia-thuy-421946.html>, ngày truy cập: 8/10/2024

III/ Danh sách người trả lời phỏng vấn:

| STT | Họ và tên | Nghề nghiệp/ Chức vụ | Ngày phỏng vấn |
|-----|-----------------|--|-----------------|
| 1 | Đình Công Phi | Phó chủ tịch UBND xã | Ngày 9/05/2024 |
| 2 | Phạm Thị Vi | Kế toán và thợ kỹ thuật của HTX gốm Gia Thủy | Ngày 6/01/2024 |
| 3 | Trịnh Đình Dũng | Giám đốc HTX gốm Gia Thủy | Ngày 18/08/2024 |

Phụ lục 1: Một số hình ảnh về làng gốm Gia Thủy



Hình ảnh 1: Khu nguyên liệu đất (Nguyễn Thị Thuý Hiền chụp ngày 6/01/2024)



Hình ảnh 2: Khâu xử lí đất (Nguyễn Thị Thuý Hiền chụp ngày 6/01/2024)



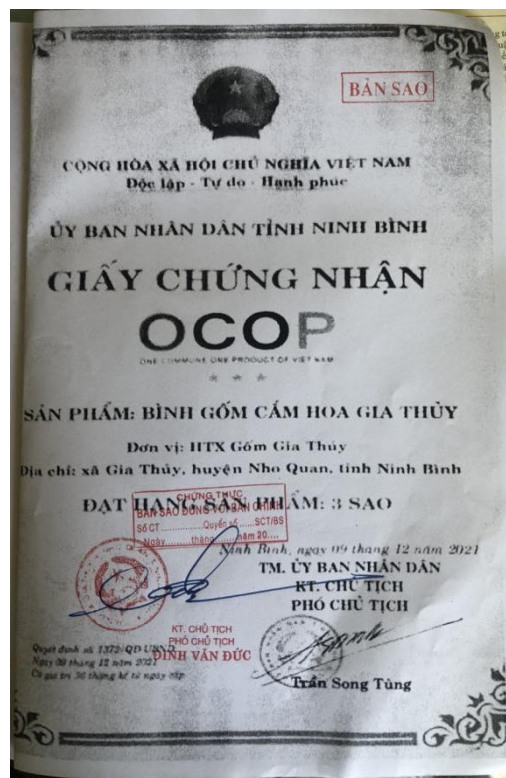
Hình ảnh 3: Bình hút tài lộc (Nguyễn Thị Thuý Hiền chụp ngày 6/01/2024)



Hình ảnh 4: Khâu phơi sản phẩm (Nguyễn Thị Thuý Hiền chụp ngày 6/01/2024)



Hình ảnh 5: Chứng nhận đạt giải khuyến khích cuộc thi mẫu sản phẩm thủ công mỹ nghệ tỉnh Ninh Bình năm 2023 (Nguyễn Thị Thuý Hiền chụp ngày 6/01/2024)



Hình ảnh 6: Giấy chứng nhận OCOP hạng 3 sao (Hoàng Thị Hải Yến chụp ngày 17/10/2024)



Hình ảnh 7: Giấy khen xã Gia Thủy đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua 2016-2020 (Nguyễn Thị Thuý Hiền chụp ngày 6/01/2024)



Hình ảnh 8: Hình ảnh giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn nâng cao năm 2021 trên địa bàn xã Gia Thủy (Nguyễn Thị Thuý Hiền chụp ngày 6/01/2024)

Phụ lục 2: Bảng thống kê về làng nghề gốm Gia Thủy

| | 1954 – 1958 | 1958 – 1990 | 1990 – 2007 | 2007– 2012 | 2012 – nay |
|---------------------------|---|---|--|--|---|
| Xử lý nguyên liệu | Nguyên - nhiên liệu sẵn có, hoàn toàn bằng thủ công | Nguyên - nhiên liệu sẵn có, hoàn toàn bằng thủ công | Nguyên - nhiên liệu sẵn có, hoàn toàn bằng thủ công | Nguyên - nhiên liệu sẵn có, chủ yếu là thủ công nhưng đã có sự hỗ trợ của các bể lọc để sử dụng đất tinh | Nguyên - nhiên liệu sẵn có, sử dụng máy luyện đất, máy nghiền |
| Về khâu tạo hình sản phẩm | Hoàn toàn bằng thủ công, thiết kế đơn giản | Hoàn toàn bằng thủ công, đơn giản | Hoàn toàn bằng thủ công, hoa văn dần trở nên tinh xảo, cải tiến mẫu mã | Sử dụng bàn chuốt có ổ bi ở giữa (do người thợ phụ đập cho quay). Các hoa văn trở nên tinh xảo, tỉ mỉ | Sử dụng bàn chuốt bằng điện, hoa văn tinh xảo, bắt mắt, có tính thẩm mỹ cao |
| Về loại hình sản phẩm | Tập trung sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu | Tập trung sản xuất các sản phẩm phục | Chủ yếu sản xuất các sản phẩm phục | Bên cạnh các sản phẩm phục vụ nhu cầu | Ngoài các sản phẩm: bát đĩa, ấm,... còn có |

| | | | | | |
|---------------------------|---|---|--|---|---|
| | cầu sinh hoạt hàng ngày | vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày | vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Ngoài ra đã sản xuất các sản phẩm mỹ nghệ, có tính trang trí | sinh hoạt hằng ngày, làng nghề đã sản xuất các sản phẩm mỹ nghệ, có tính trang trí; sản xuất các sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng | các sản phẩm mỹ nghệ, sản phẩm lưu niệm, chum rượu là sản phẩm chính |
| Về khâu phơi khô sản phẩm | Phơi thủ công dưới ánh nắng nhẹ, thoáng gió | Phơi thủ công dưới ánh nắng nhẹ, thoáng gió | Phơi thủ công dưới ánh nắng nhẹ, thoáng gió | Phơi thủ công dưới ánh nắng nhẹ, thoáng gió | Phơi thủ công dưới ánh nắng nhẹ, thoáng gió |
| Về quy mô sản xuất | Quy mô nhỏ, theo hộ gia đình | Thành lập HTX với quy mô nhỏ | Theo mô hình HTX nhưng thực tế là một mô hình tự sản xuất, tự bảo quản, tự tiêu thụ | Theo mô hình HTX quy mô nhỏ, diện tích hẹp (nằm trong khu dân cư) | Theo mô hình HTX với quy mô lớn, diện tích sản xuất được mở rộng (tách khỏi khu dân cư). Các làng nghề, |

| | | | | | |
|---------------------------------------|--|--|---|--|--|
| | | | | | hộ gia đình tập trung tại một khu vực để sản xuất, kinh doanh. |
| Về vấn đề quảng bá sản phẩm, bán hàng | Truyền miệng, bày bán tại gần khu vực bên sông. Thị trường tiêu thụ: trong vùng và một số nơi khác: Nho Quan, Gia Viễn | Truyền miệng, nhưng chỉ những xã có HTX mua bán hoặc cửa hàng mật dịch mới được phép. Thị trường được mở rộng ra các huyện Gia Khánh, Yên Khánh, Kim Sơn | Truyền miệng, bày bán tại các chợ truyền thống, triển lãm, trên các bài báo. Thị trường trong nước và quốc tế: Nhật Bản | Truyền miệng, bày bán tại các chợ truyền thống, triển lãm, trên các bài báo, tại các cửa hàng, bán cho khách du lịch | Thị trường tiêu thụ chính là trong nước, có xuất khẩu ra nước ngoài. Ngoài những cách quảng bá trước kia, sản phẩm gồm còn xuất hiện trên các sàn thương mại điện tử |

[Nguồn: Nhóm tác giả tự thống kê]